

新住民入國前輔導手冊

Sổ tay hướng dẫn nâng cao cư dân mới trước khi nhập cảnh

中越雙語版



越南
Việt Nam



內政部移民署 發行
Cục quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Nội Vụ pháp hành

新住民入國前輔導手冊
**Sổ tay hướng dẫn nâng cao
cư dân mới trước khi nhập cảnh**

中越雙語版



越南
Việt Nam

序言

臺灣是多元文化的移民社會，截至 108 年 11 月底為止，我國婚姻移民之人口已逾 55 萬人，主要以大陸地區及越南、印尼、泰國、柬埔寨、緬甸及菲律賓等東南亞國家為主。

為使新住民在來臺前，可以初步了解我國國情、文化風俗、移民法令及相關福利等，本署整合跨部會移民輔導及培力資訊，將新住民的服務從「入境後」延伸到「入境前」。因此，規劃編製多語「新住民入國前輔導手冊及宣導影片」，期能透過本手冊及影片，解說目前臺灣的移民輔導及培力的相關資訊，並提供我國駐外館、處辦理新住民入國前服務之使用。

本手冊內容包括認識臺灣篇、生活輔導篇、身分權益篇等三大單元，並有中、英、越、印、泰、柬、緬等 7 種語版，以中文及外文相互對照方式呈現，便利新住民及國人家屬共同參閱，增進彼此互動。而影片則搭配手冊的三大單元，以微電影融入生活情境的拍攝手法呈現新住民來臺生活的點滴，讓即將來臺的新住民能更加深入了解臺灣，知曉彼此文化之間差異及社會制度的不同，以增進其來臺的生活適應。

在此手冊及影片出版發行之際，本署非常感謝所有提供相關資訊的部會及地方政府，以及本次萬分辛勞參與編輯及審查的所有委員！未來本署也將朝向推動提昇大眾多元文化知能素養，營造友善國際移民生活環境而持續努力深耕！

內政部移民署署長 邱豐光

LỜI NÓI ĐẦU

Đài Loan là một xã hội di dân đa dạng, tính đến cuối tháng 11 năm 2019, di dân theo diện hôn nhân của nước ta đã đạt 550,000 người, đối tượng chủ yếu đến từ các nước Đông Nam Á như Việt Nam, Indonesia, Thái Lan, Campuchia, Myanma, Philippin và Trung Quốc Đại Lục.

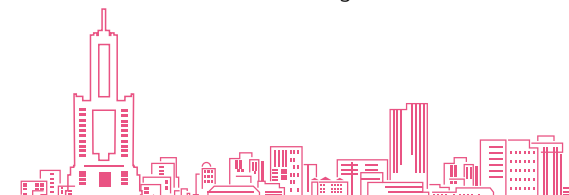
Nhằm hỗ trợ Cư dân mới hiểu hơn về tình hình nước ta, cũng như phong tục văn hóa, Luật Di dân và các thông tin phúc lợi liên quan v.v trước khi nhập cảnh vào Đài Loan, Sở Di dân đã tổng hợp những thông tin bồi dưỡng cũng như phụ đạo di dân các cấp, giúp cho việc phục vụ Cư dân mới từ 「Sau nhập cảnh」 được mở rộng đến 「Trước nhập cảnh」. Do đó, đã biên tập 「Sổ tay hỗ trợ dành cho Cư dân mới trước khi nhập cảnh Đài Loan và phim ngắn tuyên truyền」, hy vọng thông qua Sổ tay và phim ngắn sẽ phần nào giải thích những thông tin liên quan đến bồi dưỡng và phụ đạo dành cho di dân tại Đài Loan hiện nay, cũng như hỗ trợ cho các cơ quan, văn phòng đại diện tại nước ngoài tìm hiểu và sử dụng khi tiến hành làm các thủ tục trước nhập cảnh cho Di dân mới.

Nội dung sổ tay gồm ba chương: Chương Tìm hiểu Đài Loan, Chương Phụ đạo cuộc sống, Chương Quyền và Lợi ích, với 07 ngôn ngữ tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Thái và tiếng Myanma, sổ tay thể hiện bằng song ngữ giúp cư dân mới cùng người nhà tiện đọc và tìm hiểu, nhằm tăng cường gắn kết tình cảm đôi bên. Phim ngắn tuyên truyền lấy nội dung chủ yếu của ba chương trong sổ tay nhưng với những cảnh quay sống động về cuộc sống thường ngày sẽ phần nào thể hiện rõ nét hơn cuộc sống của Cư dân mới tại Đài Loan, giúp Cư dân mới trước khi đến Đài Loan sẽ phần nào hiểu hơn về Đài Loan, hiểu hơn về sự khác biệt văn hóa cũng như sự khác biệt về chế độ xã hội giữa hai nước, nhằm tăng cường khả năng thích nghi cho cư dân mới.

Sở Di dân rất cảm ơn sự hỗ trợ của các cơ quan Chính phủ địa phương cùng các bộ ngành liên quan trong việc cung cấp thông tin, cũng như sự vất vả của các thành viên trong việc biên tập và xét duyệt đánh giá để giúp cho sổ tay và phim ngắn được thuận lợi phát hành! Trong tương lai, Sở Di dân sẽ thúc đẩy nâng cao kiến thức về đa dạng văn hóa cho người dân, tạo môi trường sống thân thiện cho di dân quốc tế!

Chiu, Fang-Kuang

Sở Di dân Bộ Nội chính
Sở trưởng Khuru



Mục Lục 目錄



01

認識臺灣篇

- 臺灣在哪裡 10
- 臺灣四季 22
- 樂活臺灣 28
- 節慶與信仰 66
- 入境注意事項 84

- 生活輔導與資源 88
- 教育及語文學習 102
- 金融資訊 110
- 交通資訊 128

02

生活輔導篇



02

Chương Hỗ trợ cuộc sống

- Đài Loan ở đâu 11
- Bốn mùa của Đài Loan 23
- Lối sống lành mạnh Đài Loan 29
- Lễ hội và Tín ngưỡng 67
- Điều khoản chú ý khi nhập cảnh 85

01

Chương Nhận biết về Đài Loan



- Hỗ trợ cuộc sống và tài nguyên 89
- Giáo dục và học tập ngôn ngữ 103
- Thông tin kinh tế tiền tệ 111
- Thông tin giao thông 129



03

身分權益篇

- 居留與入籍 140
- 社會福利 176
- 人身安全 214
- 相關法規 228
- 附表目錄 236

- Cư trú và nhập tịch 141
- Phúc lợi xã hội 177
- An toàn cá nhân 215
- Các quy định liên quan về luật 229

03

Chương Thân phận, Quyền và Lợi ích



- Kèm bảng phụ lục 237

外來人士在臺生活諮詢服務熱線 **0800-024-111**
Đường dây nóng dịch vụ tư vấn cuộc sống của người nước ngoài tại Đài Loan



Taiwan



認識臺灣篇

- 10 臺灣在哪裡
- 22 臺灣四季
- 28 樂活臺灣
- 66 節慶與信仰
- 84 入境注意事項

Chương Nhận biết về Đài Loan

- 11 Đài Loan ở đâu
- 23 Bốn mùa của Đài Loan
- 29 Lối sống lành mạnh Đài Loan
- 67 Lễ hội và Tín ngưỡng
- 85 Điều khoản chú ý khi nhập cảnh



臺灣，氣候溫和、地形豐富、生機蓬勃，自古以來就是原住民溫暖的家，也是歷代移墾者寄予厚望的寶島天堂。

時至今日，自由民主的臺灣仍持續在經濟、科技方面穩健成長，並邁向國際全球銜接發展。而臺灣的族群結構也隨著時間累進逐步轉變，統計至 108 年 11 月底為止，我國總人口數已超過 2300 餘萬人（註 1），其中，與國人結婚而來臺的新住民人口已逾 55 萬人（註 2），並屬原籍中國大陸者最多，其次為越南、印尼、菲律賓、泰國等。有了這些新血注入，寶島臺灣也呈現出更多元的風貌及文化。

透過內政部移民署（以下簡稱移民署）這本「新住民入國前輔導手冊」的介紹，新住民朋友們可以更深入認識臺灣、適應臺灣在地生活。

（本手冊所稱之新住民，係指臺灣地區人民之配偶為外國人、無國籍人、大陸地區人民及香港、澳門居民。）



台灣原聲童聲合唱團在玉山頂上高歌。
Trên Đỉnh Ngọc Sơn Cao Ca tập đoàn điệp khúc giọng gốc của Đài Loan
圖片提供／台灣原聲教育協會

Đài Loan, có khí hậu ôn hoà, một địa hình phong phú và sức sống tràn trề, là một toà nhà ấm áp của người thổ dân từ thời cổ đại, cũng là một thiên đường đảo ngọc được các triều đại đã qua và người mở mang đất đai gửi gắm một hy vọng cao cả.

Thời nay, sự tự do dân chủ của Đài Loan tiếp tục hướng tới kinh tế, khoa học phát triển vững mạnh và ổn định, đồng thời tiến tới quốc tế và toàn cầu. Cấu trúc dân tộc Đài Loan đã dần thay đổi theo thời gian, thống kê tới cuối tháng 11 năm 2019, tổng dân số nước ta đã vượt qua 23 triệu dân (Ghi chú 1), và dân số cư dân mới đã hơn 550,000 người (Ghi chú 2), trong đó, dân đại lục Trung Quốc có số người nhiều nhất, tiếp đến là Việt Nam, Indonesia, Philippines, Thái Lan v.v Với những mẫu người mới này, đảo ngọc Đài Loan cũng thể hiện một cảnh tượng đa văn hoá.

Dựa vào sự giới thiệu của quyển "Sổ tay hướng dẫn trước khi nhập cảnh cho cư dân mới" do Cục quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Nội Vụ (tên gọi tắt Sở Di Dân), các bạn cư dân mới có thể nhận biết nhiều hơn về Đài Loan, nhanh chóng thích nghi cuộc sống của Đài Loan.

(Xưng hô từ cư dân mới trong sổ tay này, dùng để chỉ vợ/chồng của người Đài Loan là người nước ngoài, người không quốc tịch, người Trung Quốc đại lục, người Hồng Kông và người dân MaCao.)





臺灣在哪裡

地理位置

有關地理位置、城市介紹等資料，來自總統府、行政院、交通部觀光局及地方政府（註3至註5），重點摘要如下：

臺灣，位於亞洲大陸東部，約當琉球與菲律賓群島之間，西隔臺灣海峽與中國大陸相望。臺灣正好就處於東北亞與東南亞交會處，居亞洲太平洋沿岸最重要的經貿、運輸、軍事等要衝。面積約3萬6千平方公里，其中七成地形屬山域，全島山勢高峻，山脈多呈「北北東—南南西」走向，平原窄且主要集中於西南沿海，地形海拔變化差異大，此外地震頻繁，溫泉與火山眾多。

Đài Loan ở đâu

Vị Trí Địa Lý

Những tài liệu giới thiệu về thành phố và có liên quan đến vị trí địa lý từ Dinh tổng thống, Viện hành chính, Cục du lịch Bộ truyền thông và chính quyền địa phương (Ghi chú 3 đến 5), chủ yếu tóm tắt như sau.

Đài Loan, nằm ở phía đông của lục địa Châu Á, giữa Lưu Cầu và quần đảo Philippine, phía Tây eo biển Đài Loan hướng về Trung Quốc đại lục. Đài Loan vừa nằm ở giao điểm Đông Bắc Á và Đông Nam Á, mang nhiệm vụ quan trọng như kinh tế, thương mại, vận chuyển và quân sự để xông thẳng trên bờ biển châu Á Thái Bình Dương. Diện tích khoảng 36,000Km², vùng núi chiếm khoảng 70% tổng diện tích, cả hòn đảo núi non hiểm trở, hầu hết các ngọn núi chạy dọc từ phía Bắc Đông đến phía Nam tây, đồng bằng hẹp và chủ yếu tập trung ở bờ biển phía Tây nam, địa hình núi và đồng bằng có sự khác biệt lớn, ngoài ra, thường xuyên động đất, nhiều suối nước nóng và núi lửa.





城市介紹

我國目前有 6 個直轄市、13 個縣及 3 個省轄市，而全國的鄉、鎮、市、區則共有 368 個。

6 個直轄市分別為臺北市、新北市、桃園市、臺中市、臺南市、高雄市；13 個縣分別為新竹縣、苗栗縣、彰化縣、南投縣、雲林縣、嘉義縣、屏東縣、宜蘭縣、花蓮縣、臺東縣、澎湖縣、金門縣、連江縣；3 個省轄市分別為基隆市、新竹市及嘉義市。

我國包括臺灣本島及附屬島嶼，其中臺灣本島約占總面積 98%。附屬島嶼中，較重要者有蘭嶼、綠島、琉球嶼、釣魚臺列嶼與龜山島。

Giới Thiệu về Thành Phố

Hiện nay nước ta có 6 thành phố trực thuộc tỉnh, 13 huyện và 3 thành phố, trong cả nước tổng cộng có 368 khu, xã, thị trấn và thành phố.

6 thành phố trực thuộc tỉnh gồm thành phố Đài Bắc, thành phố Tân Bắc, thành phố Đào Viên, thành phố Đài trung, thành phố Đài Nam, thành phố Cao Hùng; 13 huyện gồm huyện Tân trúc, huyện Miêu Lật, huyện Chương Hoá, huyện Nam Đầu, huyện Vân Lâm, huyện Gia Nghĩa, huyện Bình Đông, huyện Nghi Lan, huyện Hoa Liên, huyện Đài Đông, huyện Bành Hồ, huyện Kim Môn, huyện Liên Giang; 3 thành phố gồm thành phố Cơ Long, thành phố Tân trúc, thành phố Gia Nghĩa.

Nước ta bao gồm đảo chính là đảo Đài Loan và các đảo nhỏ xung quanh, trong đó đảo chính Đài Loan chiếm tổng diện tích khoảng 98%. Trong các hòn đảo nhỏ quanh đó, chủ yếu có đảo Lan Dư, đảo Lục Đảo, đảo Lưu Cầu, đảo Điếu Ngư Đài và đảo Quy Sơn.



臺灣行政區圖

Sơ đồ các Khu hành chính Đài Loan





直轄市

- 臺北市：為我國首都，經濟建設開發進步，交通運輸完備，常有大型國際會議及活動展覽，吸引許多外國人在此就學、考察、經商及停留，成為族群融合的多元社會。
- 新北市：擁有山林、海洋、溪谷、水岸、溫泉的自然美景，以及農莊、茶園的田園風光，還有百年來先民在臺北盆地開墾的軌跡，也是全國市民及新住民人口最多的城市。
- 桃園市：擁有多元的文化，北橫豐富的山水景觀，以及桃園國際機場，成就此市為觀光城市。
- 臺中市：地處臺灣西半部的樞紐位置，氣候宜人，擁有豐富人文資源、歷史文化、自然景觀、獨特產業、遊樂設施。並具備多元的美食、購物、休閒活動及旅遊服務，還有精彩的文化展演活動。

**國立中正紀念堂**

Nhà tưởng niệm Tưởng Giới Thạch

**新北市淡水漁人碼頭**

Bến cảng Ngư Nhân Đạm Thủy thành phố Tân Bắc

**桃園大溪橋**

Cầu Đại Khê Đào Viên

**臺中歌劇院**

Nhà hát lớn Đài Trung

Thành phố trực thuộc tỉnh

- Thành phố Đài Bắc : Là Thủ Đô nước ta , mở mang gầy dựng nền kinh tế tiến bộ , giao thông vận chuyển đầy đủ , thường có các hội nghị và triển lãm quốc tế quy mô lớn , thu hút nhiều người nước ngoài ở lại đây học tập , khảo sát , kinh doanh , hoà hợp lại thành một cộng đồng xã hội đa văn hoá.
- Thành phố Tân Bắc : Bao quanh với vẻ đẹp của thiên nhiên như rừng núi , biển cả , khe suối , bờ đê và suối nước nóng , cảnh tượng của vườn chè , ruộng nương , nông thôn và trang trại , trong một trăm năm qua , ở Đài Bắc còn có vết chân mở mang đất đai của tổ tiên , cũng là một thành phố có dân số và cư dân mới đồng nhất trong cả nước.
- Thành phố Đào Viên : Bao quanh với nền văn hoá đa dạng , sắc đẹp phong phú của non nước đường dọc từ bắc xuống sân bay quốc tế Đào Viên , Đào Viên trở nên là một thành phố du lịch lớn.
- Thành phố Đài Trung : Bộ phận chủ chốt nằm ở nửa phía tây Đài Loan , khí hậu dễ chịu , là nơi giàu tài nguyên và nhân văn , lịch sử văn hoá , cảnh quan thiên nhiên , công nghiệp độc đáo , bố trí khu vui chơi , còn có những hoạt động trình diễn văn hoá sôi nổi , ẩm thực đa văn hoá , mua sắm , dịch vụ du lịch giải trí.





- 臺南市：是臺灣最早開發、最具歷史的百年古都，處處可見古蹟、人文薈萃，近年更結合文青風潮，吸引許多店家在此生根，成為最具文藝氣息的古城。
- 高雄市：是「山、海、河港、人文、古蹟」的城市，持續推廣觀光、文化與科技等綠色產業，因受海洋氣候調節，全年陽光普照、氣候宜人，並有豐富的歷史人文、山海資源。

除了上述 6 個直轄市之外，臺灣其它各縣市，則依北、中、南、東、離島地區分別介紹如下：

北部地區

包括臺北市、新北市、基隆市、宜蘭縣、桃園市、新竹縣及新竹市。基隆市位於臺灣北端，基隆港港灣深入市區、水面寬闊，為北臺灣門戶。宜蘭縣三面背山、一面向海，孕育出獨特的世外桃源，特色是油綠的田園遍布及溫泉民宿等著稱。新竹縣市是典型的客家地區，隨著上世紀經濟起飛，新竹縣與新竹市的發展，從農業轉型導入高科技園區，帶動國家科技發展，也形成多元融合的文化及產業特色。



臺南赤崁樓
Nhà Xích Khảm Đài Nam



高雄港口
Bến cảng Cao Hùng



宜蘭蘭陽博物館
Viện bảo tàng Lan Dương
Nghị lan

- Thành phố Đài Nam : Đây là phát triển sớm nhất ở Đài Loan, có Thủ đô cổ xưa nhất trong lịch sử, các di tích lịch sử, các cuộc tụ họp con người và văn hoá có thể nhìn thấy ở khắp nơi, mấy năm gần đây đã kết hợp với xu hướng văn hoá của giới trẻ, thu hút rất nhiều cửa hàng nhỏ về cội tại đây, trở thành một thành phố cổ mang hương vị văn nghệ và kĩ thuật nhất.
- Thành phố Cao Hùng : là thành phố của "núi, biển, sông cảng, nhân văn, di tích cổ", không ngừng quảng bá các ngành công nghiệp xanh như du lịch, văn hoá và kỹ thuật số, do sự hoà hợp của khí hậu biển, nắng mặt trời chiếu sáng quanh năm, khí hậu dễ chịu, ngoài ra còn có giàu nguồn của cải biển núi, lịch sử và văn hoá con người.

Ngoài sáu thành phố nêu trên, các huyện và thành phố khác ở Đài Loan, theo miền Bắc, Trung, Nam, Đông và quần đảo vùng xa sẽ giới thiệu như sau :

Khu Bắc Bộ

Bảy huyện và thành phố gồm thành phố Đài bắc, thành phố Tân Bắc, thành phố Cơ Long, huyện Nghi Lan, thành phố Đào Viên, huyện Tân Trúc và thành phố Tân trúc. Thành phố Cơ Long nằm ở cuối phía bắc Đài Loan, cảng Cơ Long cảng sau vào khu đô thị, mặt nước rộng rãi và đổ ra cửa ngõ phía bắc Đài Loan. Huyện Nghi Lan ba mặt hướng vách núi, một mặt hướng ra biển, nuôi dưỡng ra một bông lai tiên cảnh độc đáo, đặc biệt nổi tiếng là khắp nơi đồng ruộng phủ xanh và những nhà trọ tắm suối nước nóng. Huyện và thành phố Tân Trúc là khu vực khuôn mẫu của người Hẹ (Hakka), chạy theo sự bùng nổ kinh tế của thế kỷ trước, huyện Tân trúc cũng phối hợp với sự phát triển của thành phố Tân trúc, từ nông nghiệp chuyển giao và đưa vào khu tầm cao kĩ thuật số, thúc đẩy sự phát triển khoa học công nghệ của nhà nước, cũng hình thành một đặc điểm đa văn hoá.





中部地區

包括苗栗縣、臺中市、彰化縣、南投縣及雲林縣。苗栗縣以農業產業為主，也是臺灣西部十分適合旅遊及渡假的旅遊勝地。彰化縣幅員完整，地勢平坦開闊，土地肥沃、物產豐饒，為臺灣開拓較早之地區。南投縣位居臺灣本島中央，境內有多座三千公尺以上的高山，也有最美湖泊「日月潭」點綴其中，交織山水奇景。而以農業立縣的雲林縣，則有著自然純樸的農村風光與得天獨厚的農產物品。

南部地區

包括嘉義縣、嘉義市、臺南市、高雄市及屏東縣。嘉義縣是臺灣唯一擁有三大國家風景區的縣市，包含山丘、平原、海景等不同的景致。嘉義市人文薈萃，是歷史淵源的城市，臺灣最珍貴的「交趾陶」工藝發源於此，是充滿熱情與藝術的文化藝術之都。屏東地處臺灣最南端，輪廓狹長、四季如春，有「臺灣南洋」之稱，境內有聞名海內外的墾丁國家公園、大鵬灣國家風景區及「海上觀光樂園」小琉球等景點。



南投日月潭
Hồ Nhật Nguyệt Nam Đầu



屏東海之女神
Nữ thần biển cả Bình Đông

Khu Trung bộ

Khu trung bộ bao gồm huyện Miêu Lật, thành phố Đài Trung, huyện Chương Hoá, huyện Nam Đầu và huyện Vân Lâm 5 huyện và thành phố. Huyện Miêu Lật chủ yếu trong ngành nông nghiệp, cũng là một thắng cảnh du lịch ở phía tây Đài Loan, rất thích hợp cho du lịch và kỳ nghỉ. Lãnh thổ của huyện Chương Hoá hoàn chỉnh, địa hình bằng phẳng và rộng rãi, đất đai màu mỡ, là khu vực khai thác khá sớm của Đài Loan. Huyện Nam Đầu nằm ở vị trí chính của đảo Đài Loan, có nhiều ngọn núi cao trên 3,000 mét trong lãnh thổ, đồng thời tô điểm cho hồ đẹp nhất hồ Nhật Nguyệt, đan xen với núi và nước, hình thành cảnh tượng lạ lùng. Huyện Vân Lâm dựa vào nông nghiệp để lập thành huyện, được trời hậu đãi có những sản phẩm nông nghiệp độc đáo và có một cảnh quan nông thôn giản dị và tự nhiên.

Khu Nam bộ

Khu Nam bộ bao gồm thành phố Đài Nam, thành phố Cao Hùng, huyện Bình Đông, thành phố Gia Nghĩa và huyện Gia Nghĩa 5 huyện và thành phố. Huyện và thành phố Gia Nghĩa là huyện duy nhất gồm có ba danh lam thắng cảnh lớn của quốc gia Đài Loan, các phong cảnh khác nhau của ngọn đồi, đồng bằng, cảng vật biển v.v. Thành phố Gia Nghĩa là một thành phố của cội nguồn lịch sử, các cuộc tụ họp con người và văn hoá, đồ gốm quý giá nhất của Đài Loan là "gốm Giao Chỉ", gốm sứ nghệ thuật bắt nguồn từ đây, là thủ đô nghệ thuật văn hoá, tràn đầy say đắm của nghệ thuật. Bình Đông nằm ở cuối phía nam Đài Loan, với một đường viền hẹp, bốn mùa tươi tắn, có được gọi là "Nam Dương Đài Loan", trong đó có công viên Khẩn Đỉnh nổi tiếng trong và ngoài nước, các điểm tham quan như khu thắng cảnh quốc gia vịnh Đại Bằng và công viên vui chơi ngao du trên biển Tiểu Lưu Cầu.



嘉義阿里山風景區
Khu thắng cảnh Alishan





東部地區

包含花蓮縣及臺東縣，東臨浩瀚太平洋，西倚中央山脈，擁有臨山面海的優越地理位置，並孕育出豐富的生態資源，加上純樸善良的在地居民和悠久的農業文化，被譽為臺灣的「後花園」。

離島地區

臺灣重要的離島地區包含澎湖縣、金門縣、連江縣三個縣市，以及鄰近的蘭嶼、綠島、小琉球等重要島嶼，可謂得天獨厚，使其周邊擁有許多特殊地形的美麗離島，並且各具特色。

Khu Đông Bộ

Khu đông bộ bao gồm huyện Hoa Liên và huyện Đài Đông 2 huyện và thành phố, phía đông hướng về thái bình dương bát ngát, phía tây chạy dựa các dãy núi chính, có vị trí tuyệt đẹp được kề núi gần biển, nuôi dưỡng ra một nguồn tài nguyên sinh thái phong phú, một lịch sử lâu dài về văn hóa nông nghiệp cộng với các cư dân địa phương tốt bụng và giản dị, được khen ngợi là "Hậu Hoa Viên" của Đài Loan.

Khu Vực Đảo

Các khu vực đảo chủ yếu của Đài Loan bao gồm huyện Bình Hồ, huyện Kim Môn, huyện Liên Giang và Lan Dư, đảo Lục Đảo, đảo Lưu Cầu v.v. Đài Loan được trời hậu đãi, bao quanh bởi những hòn đảo xinh đẹp và nhiều địa hình đặc biệt, đồng thời đều có đặc điểm riêng của nó.



花蓮太魯閣長春祠
Taroko Hoa Liên Trường Xuân Từ



臺東三仙台
Đài Tam Tiên Đài Đông



金門毋忘在莒
Vô Vong Tại Cử Kim Môn



澎湖雙心石滬
Đá đôi hình tim Bình Hồ





臺灣四季

Bốn mùa của Đài Loan

氣候

「冬季寒冷、夏季炎熱、雨量多」為臺灣氣候的三大特色。由於北迴歸線橫跨本島中南部，使得臺灣正好介於熱帶與亞熱帶之間，北迴歸線以北為副熱帶季風氣候，以南則為熱帶季風氣候。以年平均溫度而言，約在攝氏 20 至 25 度之間，即使在最冷的 2 月，也多在攝氏 10 度左右，而最熱時氣溫可超過攝氏 35 度以上，因此臺灣可說是四季分明的寶島。

降雨方面，北部全年有雨，南部則集中在夏季降雨。5 至 9 月是臺灣主要雨季，7 至 9 月則是颱風季，經常有颱風侵襲，平均來說每年有 3 到 4 個颱風；10 月至隔年 4 月，北部雖受鋒面影響仍有降雨，但雨量偏少，中南部則是明顯乾季。

寒流和梅雨是臺灣常見的自然現象：

- 寒流：又稱冷氣團，常在冬季時南下抵達臺灣地區，造成寒冷的天氣。受寒流影響時，平地常出現攝氏 10 度以下低溫，易使農漁、養殖業遭受寒害及霜害；也容易引發感冒、咳嗽、氣喘，甚至呼吸系統及心血管等疾病。
- 梅雨：臺灣地區的梅雨季為 5、6 月，是春夏交替之際。由於冷、暖空氣交會，此時常有鋒面停滯於臺灣上空，造成連續多天下雨的天氣，甚至出現豪大雨，致使坍方、落石、土石流及淹水等災害發生（註 6）。

Khí hậu

Thời tiết khí hậu Đài Loan được chia làm ba đặc điểm khác biệt, mùa đông lạnh giá, mùa hè nắng nóng, hay mưa nhiều. Bởi vì có tuyến bắc chạy qua, nằm tại giao giới giữa khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới, phía bắc chí tuyến bắc được phân thuộc khí hậu cận nhiệt đới, còn phía nam được phân thuộc khí hậu nhiệt đới. Về mặt nhiệt độ trung bình hàng năm, khoảng 20 đến 25 độ C, ngay cả trong tháng 2 lạnh giá nhất, đa số cũng ở giữa 10 độ C, trong khi thời tiết nóng nhất, có thể quá 35 độ C, vì vậy, Đài Loan được gọi là một hòn đảo ngọc chia làm bốn mùa.

Về việc trời mưa, phía bắc có mưa quanh năm, phía nam thì tập trung trời mưa vào mùa hè. Tháng 5 đến tháng 8 là mùa mưa chính của Đài loan, tháng 7 đến tháng 9 thường có nhiều cơn mưa bão xâm chiếm, là mùa mưa gió bão, nói tóm lại trung bình mỗi năm có 3 đến 4 cơn mưa bão xâm chiếm; từ tháng 10 đến tháng tư năm sau, phía bắc tuy bị ảnh hưởng bởi bề mặt của gió bão, vẫn có mưa nhưng lượng mưa ít hơn, còn phía trung vẫn là mùa khô.

Bão không khí lạnh và mùa mưa "Mận" là những hiện tượng tự nhiên và phổ biến ở Đài Loan :

- Bão không khí lạnh : vào mùa đông, không khí lạnh và khối lạnh thường từ phía nam chạy vào miền đất Đài Loan, gây nên khí hậu lạnh trời trở rét. Khi bị ảnh hưởng không khí lạnh, ở mặt đất thường xuất hiện nhiệt độ thấp dưới 10 độ C, do không khí lạnh và sương giá dễ gây ra thiệt hại cho nông nghiệp, đánh cá và chăn nuôi; dễ gây nên cảm lạnh, ho, suyễn, thậm chí là các bệnh hệ hô hấp và tim mạch.
- Mùa mưa "Mận" : Mùa mưa "Mận" ở Đài Loan là tháng 5, tháng 6, giáp nhau với mùa xuân và mùa hè. Do khoảng không khí lạnh và ấm giao tiếp, thời điểm này thường có cơn mưa sắp đổ ngưng lại trên bầu trời Đài Loan, gây nên trời mưa kéo dài trong mấy ngày, thậm chí xảy ra cơn mưa to, dẫn tới đất lở, đá rơi, sạt lở đất và lũ lụt vv, thảm họa xảy ra dễ bị tổn thương (ghi chú 6).





	特色		Đặc điểm
季節	<p>春</p> <ul style="list-style-type: none"> • 每年 3 至 5 月，此季節溫度變化稍大。 • 受到北方鋒面的影響，有著綿綿細雨的「春雨」天氣型態。 		<p>Xuân</p> <ul style="list-style-type: none"> • Từ tháng 3 đến tháng 5 hàng năm, mùa này nhiệt độ ấm dần lên. • Bởi ảnh hưởng của cơn mưa phía bắc, trạng thái của "mưa xuân" là có những cơn mưa phùn.
	<p>夏</p> <ul style="list-style-type: none"> • 每年 6 至 8 月高溫炎熱。 • 時有颱風侵襲及西南季風驟雨，其中大臺北盆地因「都市熱島效應」影響，最高溫常可達 35°C 以上。 		<p>Hạ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, thời tiết nóng ẩm. • Thường có mưa bão xâm chiếm và mưa gió mùa tây nam, trong đó đất đai Đài Bắc bị ảnh hưởng với 「hiệu ứng đảo nhiệt đô thị」, nhiệt độ cao nhất thường trên 35 độ C.
	<p>秋</p> <ul style="list-style-type: none"> • 每年 9 至 11 月，晴朗涼爽，也是臺灣最穩定、最舒適的季節。 • 僅偶有颱風，白天溫暖、入夜涼爽，可說是國內旅遊旺季。 		<p>Thu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoảng tháng 9 đến tháng 11 hàng năm, trời trong xanh mát mẻ, cũng là mùa lý tưởng và thoải mái nhất ở Đài Loan. • thỉnh thoảng có những cơn bão, ban ngày ấm áp, vào đêm mát mẻ, có thể nói là mùa du lịch tốt nhất trong nước.
	<p>冬</p> <ul style="list-style-type: none"> • 每年 12 月至隔年 2 月。 • 東北季風影響，易出現寒冷乾燥氣候，甚至產生乾旱。 • 臺灣冬天平地不常下雪，偶爾寒流來襲，僅少數高山可見降雪。 		<p>Đông</p> <ul style="list-style-type: none"> • tháng 12 đến tháng 2 hàng năm. • Ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, thời tiết dễ bị khí hậu lạnh và khô ráo, thậm chí bị hạn hán. • Mùa đông ở Đài Loan không thường xuyên rơi tuyết, đôi khi có bão không khí lạnh xâm chiếm, ở những vùng núi cao chỉ một vài lần thấy tuyết rơi.





自然災害

- 地震：我國位處環太平洋地震帶上，地震活動頻繁，經常有地震發生。由於臺灣西部地區人口密集，如果發生淺層地震，則很可能造成嚴重災害。據統計，臺灣地區平均一年發生近 35,000 次有感及無感地震，目前發生次數最多的年份在民國 88 年，主要就是受到 921 集集大地震的影響，帶來重大損失。



颱風災害
Thảm họa bão

- 颱風：颱風是熱帶海洋上產生的強烈低氣壓，據統計，平均一年約 3 到 4 個颱風侵襲臺灣，期間常造成強風、豪雨、淹水、山崩、坍方、土石流、暴潮、海水倒灌等災害。然而，颱風也是臺灣的重要水資源之一，假使沒有颱風帶來雨量，將可能導致缺水現象，到冬季就容易發生乾旱，因此各大河川普遍修築水壩，以在雨季蓄水兼發電，旱季提供民生用水（同註 6）。

此外，中央政府平時均會要求各地方政府及全民進行防救災之演練，以降低相關災害帶來的損失，並確保人民安全。

Thiên Tai

- Động đất : nước ta nằm trên khu vực vành đai lửa Thái Bình Dương, có nhiều dịch chuyển dẫn đến động đất thường xuyên xảy ra. Phía tây Đài Loan do tập trung dân số đông, nếu xảy ra động đất tầng cạn, có thể dẫn đến những thiên tai nghiêm trọng. Theo thống kê, trung bình mỗi năm địa hình Đài Loan xảy ra gần 35,000 trận động đất có và không nhận biết được, hiện tại Đài Loan xảy ra nhiều trận động đất nhất vào năm 2009, bị ảnh hưởng chủ yếu bởi trận động đất vào ngày 21-9-1999, gây thiệt hại nặng.



地震災害
Thảm họa động đất

- Bão : bão là do áp thấp mạnh xảy ra trên các vùng biển nhiệt đới, theo thống kê, trung bình mỗi năm có khoảng 3 đến 4 cơn bão đổ vào Đài Loan, trong lúc bị bão xâm chiếm, gây ra thảm họa như gió mạnh, mưa to, lũ lụt, lở đất núi lửa, sạt lở đất, sóng thủy triều và phun trào limnic v.v. Nhưng bão cũng là một trong những nguồn nước chủ yếu ở Đài Loan, nếu không có bão mang đến lượng nước mưa, sẽ dẫn đến hiện tượng thiếu nước, đến mùa đông dễ bị hạn hán, vì vậy, khắp chặn ngang sông hồ xây dựng hồ chứa nước, mùa mưa chứa nước và sản xuất điện, cung cấp nước cho người dân xài trong mùa khô (ghi chú 6).

Do đó, chính quyền trung ương thường yêu cầu chính quyền địa phương và toàn thể nhân dân tiến hành các cuộc tập huấn để phòng chống thiên tai và cứu hộ, để giảm thiểu thiệt hại thiên tai, đảm bảo sự an toàn cho mọi người.





樂活臺灣

食

臺灣飲食文化以米食為主、麵食為輔，而獨特的本土料理更是值得一再品嚐。近年來由於工商業發展快速以及全球化影響，臺灣除了原本傳統中式飲食外，也大量融入了世界各地的飲食文化，如美式漢堡、義式披薩、日本生魚片、德國豬腳、瑞士乳酪以及多元酸辣的東南亞飲食等，包羅萬象。

說到臺灣的飲食文化，臺灣人對吃的創意也充分發揮在火鍋料理上。因其具有方便又快速且多樣化的特色，可以滿足一鍋多吃的慾望。至於火鍋種類，從小型的個人小火鍋，到臺式麻辣鍋、日式涮涮鍋、韓式豆腐鍋、石頭火鍋，以及以食材為主題的薑母鴨、羊肉爐、燒酒雞、沙鍋魚頭等，可謂各式各樣、琳瑯滿目，甚至還有火烤兩吃的特色餐飲。



中式早餐
Bữa sáng kiểu Trung

Ẩm Thực

Văn hóa ẩm thực Đài Loan chủ yếu là gạo, kế tiếp là mì, và các món ăn độc đáo của bản địa càng đáng để nếm thử nhiều lần. Trong mấy năm gần đây, với tác động của toàn cầu ảnh hưởng đến sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp và thương mại, văn hóa ẩm thực Đài Loan ngoài các món có nguồn gốc ẩm thực Trung Hoa, đa số cũng hòa nhập với các nền văn hoá ăn uống trên khắp thế giới, từ bánh mì Burger Mỹ, pizza Ý, sashimi Nhật Bản, chân lợn Đức, phô mai Thụy sĩ và các món ăn Đông nam Á đa dạng có mùi vị chua cay v.v thứ gì cũng có.

Nói đến văn hóa ẩm thực Đài Loan, đối với sáng kiến trong ăn uống, người Đài Loan cũng tận dụng triệt để trong cách chế biến các món lẩu.

Lẩu là món ăn nhanh chóng, rất tiện lợi và đa dạng cho người Đài Loan, có thể một lần thỏa mãn mong muốn được ăn nhiều món. Còn về các loại lẩu, thay đổi đa dạng, từ lẩu nhỏ một phần cho một người, đến lẩu cay kiểu Đài, lẩu shabu Nhật Bản, lẩu đậu phụ Hàn Quốc, lẩu nồi đá, nguyên liệu chế biến như lẩu vịt nấu gừng, lẩu dê, lẩu gà nấu rượu, lẩu đầu cá hầmnhiều không kể hết, thậm chí còn có nồi lẩu hai ngăn.



西式早餐
Bữa sáng kiểu Tây



日常飲食：早餐、午餐、晚餐

- 早餐：臺灣人的早餐類型，除西式外，還依居住地而有所不同，衍生出各地特色早餐。如：米漿、豆漿、燒餅油條等；或臺中炒麵配熱湯、彰化爌肉飯；北港油飯、滷肉飯配麵線糊；嘉義雞肉飯配味噌湯；臺南虱目魚皮湯加肉燥飯、清燙牛肉湯；鳳山清蒸肉圓等。
- 午餐：臺灣的午餐選擇也多，除臺式小吃外，還有簡餐和自助餐，亦有日式料理、義大利麵、泰式或越式餐點等異國美食，可多元選擇。
- 晚餐：中式的晚餐十分豐富，選擇也更加多元，另也提供各國精緻餐廳、臺式熱炒店等多元選項，任君挑選。

特色小吃

臺灣為多元文化之社會，而「特色小吃」最能體現在地文化與飲食樣貌：

珍珠奶茶

是臺灣最具代表性的飲品之一，多年來，已由臺灣流行至東亞、歐洲、美國甚至中東等地區。



trà sữa trân châu

một trong những đồ uống nổi tiếng nhất ở Đài Loan, nhiều năm qua, loại đồ uống này đã được đón nhận khi phổ biến sang các nơi như Đông Á, Châu Âu, Mỹ và cả Trung Đông.

雞排

國民美食之首，是臺灣最普遍的小吃。



gà rán

được người dân yêu thích hàng đầu, là món ăn vặt phổ biến nhất ở Đài Loan.





<p>刨冰</p>	<p>臺灣熱銷的芒果冰，被美國 CNN 和旅遊雜誌評選為世界最好吃的甜點之一！</p>		<p>chè đá bào</p>	<p>chè xoài đá bào bán chạy nhất Đài Loan, được tạp chí du lịch và đài truyền hình Mỹ CNN bình chọn là một trong những món tráng miệng ngon nhất thế giới.</p>
<p>滷肉飯</p>	<p>白飯上面淋上一層滷肉及醬汁，好吃不油膩，為臺灣街頭到處可見的平價美食。</p>		<p>cơm thịt kho tàu</p>	<p>chén cơm trắng tươi lên một ít thịt kho, béo ngậy mà không dầu mỡ, là món ăn ngon bình dân có thể bắt gặp ở khắp nơi tại Đài Loan.</p>
<p>牛肉麵</p>	<p>是臺灣最受歡迎的國民美食之一。</p>		<p>mì bò</p>	<p>mì bò là một trong những món được người dân Đài Loan yêu thích nhất.</p>
<p>蚵仔煎</p>	<p>外層粉漿高溫油煎，內有雞蛋和蚵仔，外皮呈現焦酥口感。</p>		<p>trứng chiên hàu</p>	<p>trứng được cho thêm hàu, tẩm bột chiên dầu, bề mặt trứng có vị giòn.</p>
<p>大腸蚵仔麵線</p>	<p>麵線是臺灣人生活中常見的食物，搭配大腸、蚵仔，風味絕佳。</p>		<p>mì hàu</p>	<p>mì hàu là món ăn phổ biến trong cuộc sống của người Đài Loan, ăn kèm với ruột già, hàu, hương vị thật tuyệt.</p>
<p>鳳梨酥</p>	<p>國外旅客訪臺時最受歡迎的伴手禮之一。</p>		<p>bánh dứa</p>	<p>một trong những món quà xách tay được khách du lịch nước ngoài ưa chuộng nhất khi đến thăm Đài Loan.</p>
<p>臭豆腐</p>	<p>其獨特的風味，成為臺灣在地特色小吃。</p>		<p>tàu hũ thối</p>	<p>mùi vị độc đáo của nó đã trở thành món ăn đặc sản của Đài Loan.</p>
<p>小籠包</p>	<p>以「體小、餡多、汁多、味鮮、皮薄、形美」著稱。</p>		<p>tiểu long bao</p>	<p>được mệnh danh là “kích cỡ nhỏ, nhân nhiều, nước nhiều, ngọt ngào, da mỏng, bánh khuôn đẹp”.</p>





水果王國

臺灣水果種類多、品質極優，號稱「水果王國」，一年四季都有不同水果可供選擇。最具代表性的包括：西瓜、桃子、蓮霧、枇杷、李子、芒果、葡萄、龍眼、百香果、水蜜桃、蘋果、柳橙、葡萄柚、柚子、草莓、金柑、香蕉、番茄、鳳梨、木瓜、番石榴（芭樂）等，深獲民衆與觀光客的喜愛。

Vương quốc trái cây

Đài Loan được mệnh danh là “vương quốc trái cây”, nơi có nhiều loại hoa quả và tươi ngon chất lượng, một năm bốn mùa đều có nhiều loại trái cây khác nhau để chọn lựa, các loại trái cây đặc trưng nhất gồm có : dưa hấu, đào, mận mội châu, biwa (trái tỳ bà), xoài, nho, nhãn, chanh dây, đào tiên, táo, cam, bưởi da xanh, bưởi, dâu tây, quýt, chuối, cà chua, dứa, đu đủ, ổi, lựu vv, rất được khách du lịch và người dân ưa chuộng.





衣

臺灣因有北迴歸線通過，北半部屬於亞熱帶氣候，南半部則屬於熱帶氣候。春天和冬天時的氣溫變化較大，夏天和秋天時會有颱風來襲，因此衣著需隨四季變化更替穿搭。

季節
Mùa春
Xuân夏
Hạ秋
Thu冬
Đông月份
Tháng3月~5月
tháng 3-56月~8月
tháng 6-89月~11月
tháng 9-1112月~隔年2月
tháng 12~ tháng 2 sang năm溫度
Nhiệt độ

晴天時，氣溫可能接近 30°C，但有時也會突然變冷，下降到接近 10°C 左右。 vào những ngày nắng, nhiệt độ có thể gần 30°C, nhưng đôi khi đột nhiên trở lạnh, nhiệt độ rơi xuống khoảng 10°C.

白天氣溫經常飆升到 35°C 以上，非常炎熱。 Nhiệt độ ban ngày thường tăng lên trên 35°C, rất nóng.

白天溫度有時將超過 30°C，但是晚上也可能會低於 20 度，溫差較大。 Nhiệt độ ban ngày có khi cũng hơn 30°C, nhưng cũng có thể thấp hơn 20 độ vào ban đêm.

屬溼冷型態，寒流來襲時，甚至會下降到 10°C 以下。 thuộc mùa ướt lạnh, khi dòng gió lạnh xâm chiếm, đôi khi thậm chí xuống tới dưới 10°C.

服裝
Trang phục



住

隨著都市化發展，臺灣目前從市區到鄉間有著各式各樣的屋宅型態，簡單分類如下：

- 公寓：公寓為 4 到 5 層樓、沒有電梯的集合住宅，通常屋齡落在 20 至 40 年之間。
- 華廈：一般定義華廈為 10 層樓以下，並擁有電梯的集合住宅。大部分華廈比較少公共設施，也因此公設比例大多介於 13 ~ 25%，基本上應皆設有地下停車場。
- 大樓：一般定義大樓為超過 10 層樓，並擁有電梯的集合住宅。大部分還配有中庭花園、地下停車場、警衛管理室、健身房、游泳池等多樣公共設施。
- 透天厝：為獨棟式建築，常見為 3 層樓透天和 4 層樓透天。透天厝多半散置於臺灣中南部、郊區或鄉鎮，大都市由於地小人稠，這類建築物並不多見。
- 三合院：臺灣鄉鎮常見的傳統住屋，壁面採紅磚牆，屋頂灰黑或暗褐色，呈現閩南建築特色。



大樓
Toà nhà cao ốc



三合院
Nhà mái ngói thời xưa

Chỗ ở

Theo sự phát triển của quy cách đô thị, hình dạng của những căn hộ hiện nay ở Đài Loan, từ nông thôn tới đô thị có nhiều hình dáng khác nhau, đơn giản phân loại như sau :

- Chung cư : chung cư chia 4 đến 5 tầng, là những căn hộ không có thang máy, hiện nay, độ tuổi của những căn hộ, hầu hết đều nằm trong khoảng 20 đến 40 năm.
- Nhà cao tầng : định nghĩa nhà cao tầng là nơi tập trung các hộ cư dân ở chung một tòa nhà có thang máy cao khoảng 10 tầng. Đa số các tòa nhà cao tầng có những thiết bị công cộng ít hơn, vì vậy, tỷ lệ các thiết bị công cộng chủ yếu từ 13-25%, cơ bản là nếu phải có bãi đậu xe ở tầng hầm.
- Nhà cao ốc : định nghĩa chung ở trong nước là, tập trung các hộ cư dân ở chung một tòa nhà có thang máy cao hơn 10 tầng, đa số các tòa nhà cao ốc đều có những thiết bị tiện ích như vườn nhĩ, bãi đậu xe ở tầng hầm, phòng quản lý bảo vệ, phòng tập thể dục, hồ bơi v.v.
- Nhà tường tư nhân : một tòa nhà chỉ có một gia đình cư trú, thông thường có ba đến bốn tầng. Hầu hết những tòa nhà này nằm ở phía nam Đài Loan, ngoại ô hoặc thị trấn, vì ở khu đô thị đất nhỏ người đông, những tòa nhà như vậy rất hiếm.
- Nhà mái ngói thời xưa : nhà mái ngói truyền thống Đài Loan, tường xây bằng gạch đỏ, mái nhà có màu xám hoặc màu nâu sẫm, hình thành các đặc điểm kiến trúc của người Mân Nam.



行

臺灣交通無論是對內或是對外聯繫，皆相當便利。以下為臺灣重要的大眾運輸交通網絡介紹：

1. 航空：搭乘飛機快速又便利，搭乘前請務必先向航空公司預訂機位，各大旅行社亦受理代訂機位及購票事宜。前往機場報到時，請務必攜帶身分證明文件（國人出示護照或身分證；外籍人士出示護照）以辦理登機手續。

(1) 國際航線方面，目前計有臺灣桃園國際機場、臺北(松山)國際機場、臺中國際機場及高雄國際機場等，提供國際航線服務。

(2) 目前我國國際機場均設有「入出國自動查驗通關系統 e-Gate」之服務，歡迎多加利用，相關事項請查閱 <https://www.immigration.gov.tw/5382/5385/7445/7889/>。



e-Gate



航空飛機

Máy bay hàng không

Giao thông

Phương tiện giao thông ở Đài Loan rất tiện lợi cho cả trong nước hoặc nước ngoài. Sau đây là phần giới thiệu về phương tiện giao thông của người Đài Loan :

1. Hàng không : Ngồi máy bay là thuận tiện và nhanh chóng nhất, trước khi lên máy bay, bạn phải chắc chắn là bạn đã đặt chuyến bay với hãng hàng không, đồng thời, các công ty du lịch lớn cũng có nhận dịch vụ đặt phòng và đặt vé. Trước khi bạn đến sân bay làm thủ tục, phải chắc chắn là bạn đã mang đủ giấy tờ chứng nhận cá nhân (người bản địa xuất trình hộ chiếu hoặc chứng minh thư, người nước ngoài xuất trình hộ chiếu) để làm thủ tục xuất cảnh.

(1) Chuyến bay quốc tế, hiện nay Đài Loan có những dịch vụ tuyến đường quốc tế như là : sân bay quốc tế Đào Viên, sân bay quốc tế (Tùng Sơn) Đài Bắc, sân bay quốc tế Đài Trung và sân bay quốc tế Cao Hùng.

(2) Hiện nay , sân bay quốc tế nước ta có thiết bị “dịch vụ kiểm tra tự động và hệ thống làm thủ tục hải quan điện tử e-Gate”, chào mừng bạn sử dụng nhiều hơn , xin vui lòng tham khảo các vấn đề có liên quan <https://www.immigration.gov.tw/5382/5385/7445/7889/>.



航空站分佈圖 (註 5)

Bản đồ trạm hàng không chia ra các nơi (ghi chú 5)





(3) 國內定期航線方面，目前計有 4 家航空公司往返臺灣主要城市與離島之間交通，其中，高雄、臺北松山、花蓮、澎湖、臺南、臺東、金門、臺中、嘉義、北竿、南竿、望安、七美、綠島及蘭嶼等機場均提供國內航線服務。

2. 公車：行駛於市區內，多屬短程搭乘，各縣市皆有市區公車服務，票價因行駛距離而異，是臺灣民衆常用的大眾運輸交通工具。

3. 客運：指往來於各城市間的長途客運，票價通常較搭乘飛機或是火車便宜。

4. 捷運：臺北、新北、桃園、臺中及高雄均有大眾捷運設施

(1) 臺北捷運：密集的班車搭配接駁公車系統，形成了都會便捷交通網絡，帶給民衆前所未有之便利性。臺北捷運已通車路線有文湖線、淡水信義線、松山新店線、中和新蘆線及板南線等 5 條，十分便捷。



公車
Xe buýt

(3) Chuyển bay định kỳ trong nước, hiện nay có bốn hãng hàng không, có những dịch vụ tuyến đường trong nước bay giữa các đảo và thành phố của Đài Loan như : Cao Hùng, Tùng Sơn Đài Bắc, Hoa Liên, Bàn Hồ, Đài Nam, Đài Đông, Kim Môn, Đài Trung, Gia Nghĩa, Bắc Can, Nam Can, Vọng An, Thất Mỹ, Lục Đảo và Lan Dư v.v.

2. Xe buýt tuyến đường ngắn : xe chạy trong khu vực thành phố, chủ yếu là chạy tuyến đường ngắn, tất cả các huyện và thành phố đều có dịch vụ xe buýt, giá vé tính theo quãng đường bạn đi, là một phương tiện giao thông thường được người dân Đài Loan sử dụng mỗi ngày.

3. Xe buýt tuyến đường dài : xe đưa đón khách hàng bởi các tuyến đường dài giữa các thành phố, giá vé thường rẻ hơn đi máy bay hay đi tàu hỏa.

4. MRT : đây là hệ thống giao thông công cộng có ở các thành phố Đài Bắc, Tân Bắc, Đào Viên, Đài Trung và Cao Hùng .

(1) MRT Đài Bắc : hệ thống liền kề với những chuyến xe buýt đưa đón miễn phí, hình thành một cộng đồng mạng giao thông thuận tiện, mang lại cho người dân sự tiện lợi chưa từng có. MRT Đài Bắc đã được cho chạy năm tuyến đường như tuyến Văn Hồ, tuyến Tín Nghĩa Đạm Thủy, tuyến Tân Điểm Tùng Sơn, tuyến Tân Lô Trung Hoà và tuyến Nam Bản v.v, rất nhanh chóng và thuận tiện.



臺北捷運
MRT Đài Bắc





Part 01

- 票價、票務介紹
 - ◎ 「單程票」票價依各站距離遠近而定，目前是新臺幣 20 元至新臺幣 65 元不等。此外，由服務臺出售之「一日票」，票價為新臺幣 150 元，在有效期間內可不限次數搭乘，每次搭乘限一人使用。
 - ◎ 悠遊卡及一卡通，是一張整合捷運系統、公車、停車場、特約機構等付費方式的多功能電子票證，具有方便攜帶、安全及無須找零之優點，並可於捷運站或便利商店加值。
- Giới thiệu giá vé
 - ◎ “vé một chiều” giá vé tùy thuộc từng chặng đường đi đến nhà ga xa hoặc gần, giá vé giao động hiện nay từ 20 Đài tệ đến 65 Đài tệ. “vé một ngày” được bán từ quầy dịch vụ, giá vé chỉ tầm 150đ đài tệ, không giới hạn đi bao nhiêu chuyến chỉ cần còn trong thời gian sử dụng, và được sử dụng cho một người trong mỗi chuyến đi.
 - ◎ EASYCARD và iPASS, đây là một vé điện tử có phương thức thanh toán đa năng kết nối với hệ thống tàu điện ngầm, xe buýt, bãi đậu xe, đại lý và cửa hàng tiện ích, những ưu điểm của nó là dễ dàng mang theo, an toàn và không cần đổi tiền lẻ khi sử dụng, có thể nạp tiền ở các trạm tàu điện ngầm và các cửa hàng tiện ích.



悠遊卡
EASYCARD



一卡通
iPASS



臺北捷運圖
Bản đồ MRT Đài Bắc





(2)桃園機場捷運：桃園機場捷運是亞洲第四條機場捷運，主要服務桃園國際機場之聯外交通，自臺北車站經桃園國際機場至中壢車站，橫跨臺北市、新北市及桃園市三市，於106年3月2日正式營運，提供國內外旅客更完善且便捷的交通旅遊服務。

• 票價、票務介紹

◎「單程票」票價依各站距離遠近而定，目前是新臺幣30元至新臺幣160元不等。臺北車站至桃園國際機場單程票價約為新臺幣160元左右。

(2) MRT sân bay Đào Viên : MRT sân bay Đào Viên là chặng đường từ thành phố Đài Bắc đi tới sân bay Đào Viên được xếp tuyến đường thứ tư ở Châu Á, chủ yếu phục vụ phương tiện giao thông thông đối ngoại cho sân bay quốc tế Đào Viên, từ ga Đài Bắc đi đến sân bay quốc tế Đào Viên và dừng chân ở ga Trung Lịch, một lượt vòng quanh 3 thành phố như thành phố



桃園機場捷運 MRT sân bay quốc tế Đào Viên

Đài Bắc, thành phố Tân Bắc và thành phố Đào Viên, chính thức khởi hành vào ngày 2 tháng 3 năm 2017, cung cấp dịch vụ vận chuyển và đi lại toàn vẹn hơn cho khách du lịch trong nước và ngoài nước.

• Giới thiệu giá vé

◎ “vé một chiều” giá vé tùy thuộc từng chặng đường đi đến nhà ga xa hoặc gần, giá vé giao động hiện nay từ 30đ đến 160đ đài tệ. Từ ga Đài Bắc đi đến sân bay quốc tế Đào Viên, hiện giờ là khoảng 160đ đài tệ.



桃園國際機場捷運圖 Bản đồ MRT sân bay quốc tế Đào Viên





(3) 臺中捷運：臺中捷運路網範圍預計涵蓋臺中市及彰化縣，路線包括綠線、藍線、機場捷運、屯區捷運等，其中綠線將延伸至彰化、大坑，預計於 109 年底通車。

(3) MRT Đài Trung : Phạm vi đường mạng MRT Đài Trung bao gồm thành phố Đài Trung và huyện Chương Hoá, tuyến đường gồm có tuyến màu xanh lá cây, xanh da trời, MRT sân bay, MRT khu đồn vv, ngoài ra tuyến –đường màu xanh lá cây kéo dài đến Chương Hoá, Đại Khanh, trong đó, tuyến đường xanh lá cây sẽ cho tàu lăn bánh vào cuối năm 2020.

臺中短中期路網圖



臺中捷運試運圖
Bản đồ tuyến đường chạy thử MRT Đài Trung





Part 01

(4)高雄捷運：高雄捷運目前有紅、橘兩線及輕軌，亦串連台灣高鐵、臺鐵及高雄國際機場，提供市民及遊客便利的運輸網絡和旅遊觀光。

• 票價、票務介紹

◎「單程票」票價依各站距離遠近目前是新臺幣 20 元至新臺幣 65 元不等。而由服務臺出售之「一日票」，票價是新臺幣 150 元，在有效期間內可不限次數搭乘，每次搭乘限一人使用。另有二日票等可以提供選購。

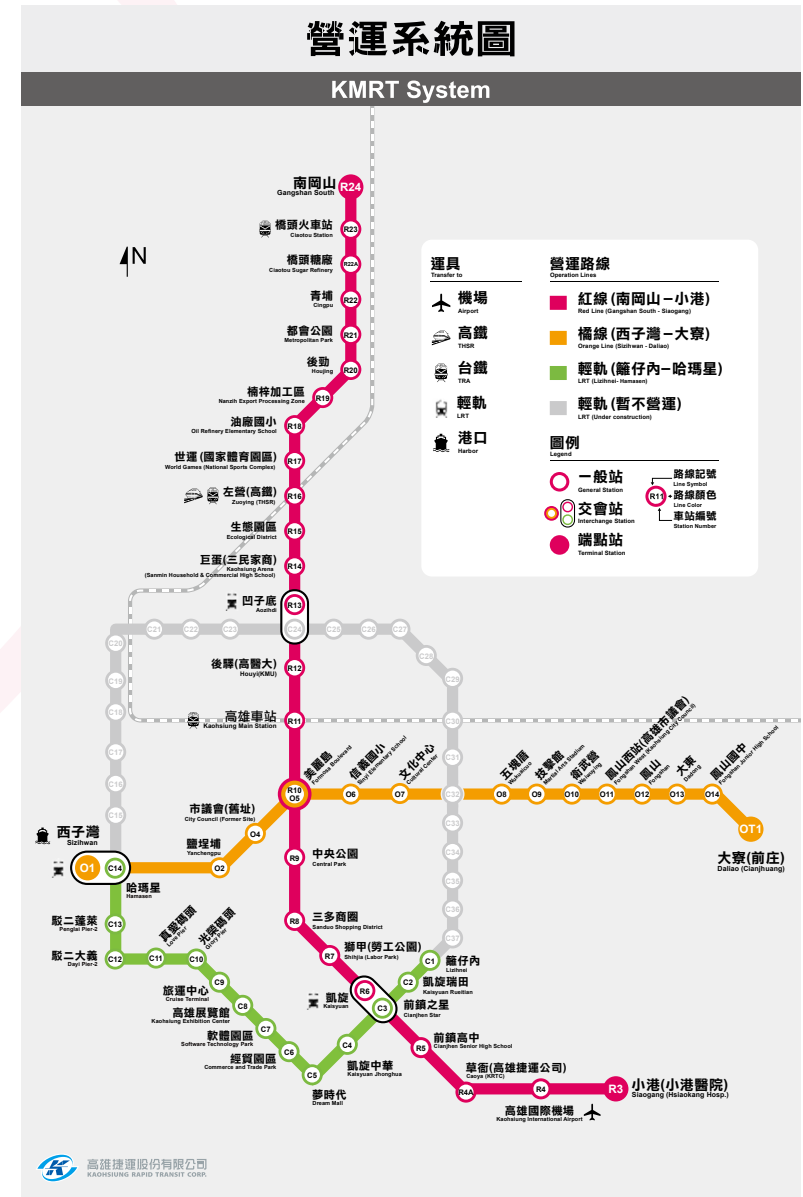


高雄捷運 MRT Cao Hùng

(4) MRT Cao Hùng : Tàu điện ngầm Cao Hùng hiện có hai tuyến đường màu đỏ và màu cam, và một tuyến đường sắt nhẹ, Tàu điện ngầm Cao Hùng cũng kết nối với tàu cao tốc, tàu hỏa và sân bay quốc tế Cao Hùng, cung cấp cho người dân và du khách có cuộc du lịch và một cộng đồng mạng vận chuyển tiện ích.

• Thông tin giá vé & thông tin loại vé

◎“vé một chiều” giá vé tùy thuộc từng chặng đường đi đến nhà ga xa hoặc gần, giá vé giao động hiện nay từ 20đ đến 65đ đài tệ. “vé một ngày” được bán từ quầy dịch vụ, giá vé chỉ tầm 150đ đài tệ, không giới hạn đi bao nhiêu chuyến chỉ cần còn trong thời gian sử dụng, và được sử dụng cho một người trong mỗi chuyến đi. Ngoài ra còn có vé hai ngày dành cho bạn tham khảo và chọn mua.



高雄捷運圖 Bản đồ MRT Cao Hùng





5. 台灣高速鐵路：臺灣大眾交通運輸已發展至高速鐵路，拉近城市間的距離，使臺北至高雄成為一日生活圈。由北至南包含 12 個車站：南港、臺北、板橋、桃園、新竹、苗栗、臺中、彰化、雲林、嘉義、臺南、左營。
6. 臺灣鐵路：臺灣環島鐵路網的各線火車，緊密地連繫著本島各大小城市，為乘客提供安全舒適的列車服務。客運火車依其等級，分為區間車、復興號、莒光號及自強號數種，遊客可依遊覽時間、經濟能力或搭乘目的加以選擇。連續假期期間，欲搭乘火車的遊客最好能提前預訂車票，以免影響行程。
7. 海運：基隆、臺中、高雄及花蓮為客輪主要停靠之國際港。臺灣與各離島及金門、澎湖和連江縣間之交通，以飛機為主，客輪為輔。



臺灣鐵路

Đường sắt tàu lửa Đài loan



台灣高鐵

Tàu cao tốc Đài Loan

5. Đường sắt cao tốc Đài Loan : phương tiện giao thông Đài Loan đã phát triển đến tàu cao tốc, rút ngắn khoảng cách giữa các thành phố, đi từ Đài Bắc về Cao Hùng trong một buổi. Từ Bắc đến Nam gồm có 12 ga tàu : Nam Cảng, Đài Bắc, Bản Kiều, Đào Viên, Tân Trúc, Miêu Lật, Đài Trung, Chương Hoá, Vân Lâm, Gia Nghĩa, Đài Nam, Tả Doanh.
6. Đường sắt tàu hoả Đài Loan : các tuyến đường tàu hoả liên tỉnh, cũng là kết nối chặt chẽ với cộng đồng mạng và phương diện di chuyển giữa các tỉnh và thành phố Đài Bắc, cung cấp dịch vụ một đoàn xe an toàn và êm ái cho hàng khách, tàu chở khách theo tốc độ phân chia loại tàu như tàu đưa đón từng khu vực, tàu Phục Hưng、tàu Cử Quang và tàu Tự Cường, du khách có thể dựa vào giờ xe chạy, nơi đi đến và khả năng kinh tế chọn lựa loại tàu. Những ngày nghỉ liền mấy ngày nếu có đi tàu hoả, tốt nhất du khách nên đặt vé trước ngày đi, để khỏi ảnh hưởng đến chuyến đi.
7. Tuyến đường biển : Các cảng quốc tế cho tàu chở khách có cảng Cơ Long, Đài Trung, Cao Hùng và Hoa Liên. Phương diện giao thông giữa Đài Loan và các hòn đảo vùng xa và Kim Môn, Bình Hồ và Liên Giang chủ yếu di chuyển bằng máy bay, tàu chở khách xếp thứ nhì.





臺灣計程車 Taxi Đài Loan



8. 日常交通工具

(1) 公共自行車：使用電子無人自動化管理系統，提供自行車（甲地租乙地還）的租賃服務，同時達到環保與節能之目的，打造全新的通勤文化。臺灣公共自行車目前分佈縣市及通用名稱如下：

臺灣公共自行車分佈縣市	各地通用名稱
臺北市、新北市、桃園市、新竹市、苗栗縣、彰化縣	YouBike
臺中市	iBike
臺南市	T-Bike
高雄市	CityBike
屏東縣	Pbike
金門縣	KBike

(2) 機車：又稱摩托車，因騎乘、停放方便，是臺灣最重要的代步工具之一。

(3) 計程車：臺灣計程車除了 APP 預約之多元化服務車款以外，車身一律漆為黃色，並懸掛白底紅字車牌、車頂置放「TAXI」或「出租汽車」燈箱。臺灣絕大多數計程車以里程數計費，另有延滯計時、夜間加成、春節運價等的例外計費方式。



臺北市公共自行車
Xe đạp công cộng thành phố Đài Bắc

8. Phương diện giao thông hàng ngày

(1) Xe đạp công cộng : Chỉ việc sử dụng bằng hệ thống quản lý điện tử tự động, cung cấp dịch vụ cho thuê xe đạp (từ chỗ A đến chỗ B), để đạt được mục đích tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, xây dựng một văn hoá đi lại mới mẻ. Xe đạp công cộng Đài Loan hiện đang được phân chia tại các huyện và thành phố, tên thường gọi của các huyện và thành phố như sau :

xe đạp công cộng Đài Loan phân chia tại các huyện và thành phố	Tên thường gọi của các địa phương
Thành phố Đài bắc, Thành phố Tân Bắc, Thành phố Cao Hùng, Thành phố Tân Trúc, Huyện Miêu Lật, Huyện Chương Hóa	YouBike
Thành phố Đài Trung	iBike
Thành phố Đài Nam	T-Bike
Thành phố Cao Hùng	CityBike
Huyện Bình Đông	Pbike
Huyện Kim Môn	KBike

(2) Xe máy : Được gọi là xe mô tô, vì phương tiện này dễ đi và dễ đậu xe, là một trong những phương tiện thay thế người đi bộ quan trọng nhất ở Đài Loan.

(3) TAXI : Xe taxi Đài Loan ngoài các phương tiện dịch vụ đa dạng cho gọi xe bằng APP ra , thân xe Taxi Đài Loan chỉ có sơn một màu duy nhất là màu vàng, và treo biển số là nền trắng chữ đỏ, mái xe gắn hộp đèn để chữ "TAXI" hoặc "thuê xe ô tô". Hầu hết Taxi Đài Loan được thanh toán bằng cây số của xe chạy, ngoài ra còn có các phương thức tính phí ngoại lệ như đi xe vào dịp Tết và vào ban đêm, trì hoãn thời gian v.v.





育樂 / 夜市文化

育樂

在臺灣，休假日除了週休二日之外，還有國定假日，民衆可擁有充分休閒時間。

臺灣旅遊資源豐富，例如富有盛名的日月潭、阿里山的小火車以及雲海日出、溪頭綠林、花蓮海岸等自然景觀。另外，九份、鹿港、大甲、大溪等小鎮老街風光，近年來也受到遊客們喜愛。臺灣重要旅遊資訊，請至交通部觀光局 <https://www.taiwan.net.tw/> 查詢，資源豐富，可多加利用。

1. 臺灣地區熱門景點：

(1) 文教科學類

- 北部地區：國立故宮博物院、國立中正紀念堂、國立歷史博物館、國立國父紀念館、國家兩廳院、國立臺灣博物館、國立臺灣科學教育館、國立臺灣藝術教育館、國家人權博物館、國立海洋科技博物館、國立傳統藝術中心。

國立故宮博物院

Bảo tàng quốc gia Cố Cung



Giải trí / văn hoá chợ đêm

Giải trí

Ở Đài Loan, ngoài hai ngày nghỉ thứ bảy và chủ nhật hàng tuần, còn có những ngày lễ quốc gia cho phép nghỉ, người dân có đầy đủ thời gian nghỉ ngơi và giải trí.

Thông tin du lịch Đài Loan rất phong phú, ví dụ như hồ Nhật Nguyệt nổi tiếng, tàu hoả nhỏ Alishan và mây trời hoa biển giữa mặt trời mọc, rừng xanh Khê Đầu, bờ biển Hoa Liên..... v.v của những cảnh quan tự nhiên. Ngoài ra còn có các phong cảnh của thị trấn nhỏ và đường phố cổ Cửu Phần, Lộc Cảng, Đại Giáp, Đại Khê vv, những năm gần đây được rất nhiều khách du lịch yêu thích. Thông tin du lịch chủ yếu của Đài Loan, vui lòng truy cập cục du lịch Bộ truyền thông <https://www.taiwan.net.tw/>, thông tin đầy đủ cho mọi người tham khảo nhiều hơn.

1. Những khu thắng cảnh lừng danh ở Đài Loan:

(1) Khoa học văn hoá giáo dục

- Khu bắc bộ: Bảo tàng quốc gia Cố Cung, nhà tưởng niệm quốc gia Tưởng Giới Thạch, bảo tàng Lịch Sử quốc gia, nhà tưởng niệm quốc gia Tôn Trung Sơn, trung tâm biểu diễn nghệ thuật quốc gia (rap hát và rạp chiếu phim), bảo tàng quốc gia Đài Loan, trung tâm giáo dục khoa học quốc gia Đài Loan, trung tâm giáo dục nghệ thuật quốc gia Đài Loan, bảo tàng nhân quyền quốc gia, bảo tàng khoa học và công nghệ biển cả quốc gia, trung tâm nghệ thuật truyền thống quốc gia.





- 中部地區：國立自然科學博物館、國立臺灣美術館、臺中國家歌劇院、國立臺灣工藝研究發展中心。
- 南部地區：國立故宮博物院南部院區、國立臺灣文學館、國立臺灣歷史博物館、國立科學工藝博物館、衛武營國家藝術文化中心、國立海洋生物博物館、國立臺灣史前博物館南科考古館。
- 東部、離島地區：國立臺灣史前文化博物館（同註 5）。



國立臺灣文學館
Bảo tàng văn học quốc gia Đài Loan

- Khu Trung bộ : Bảo tàng khoa học và tự nhiên quốc gia, bảo tàng mỹ thuật quốc gia Đài Loan, nhà hát quốc gia Đài Trung, trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ quốc gia Đài Loan.
- Khu Nam bộ : Bảo tàng quốc gia Cố Cung khu Nam bộ, trung tâm văn học quốc gia Đài Loan, bảo tàng Lịch Sử quốc gia Đài Loan, bảo tàng công nghệ khoa học quốc gia, trung tâm văn hoá nghệ thuật của trại phòng vệ quân sự quốc gia, bảo tàng sinh học biển quốc gia , Bảo tàng quốc gia Đài Loan thời tiền sử, Bảo tàng Khảo cổ học chi nhánh phía Nam.
- Khu vực đảo, Đông bộ : Bảo tàng văn hóa tiền sử quốc gia Đài Loan (ghi chú 5).



國立自然科學博物館
Bảo tàng khoa học và tự nhiên quốc gia





(2) 9 座國家公園及 1 座國家自然公園

臺灣自然觀光資源相當豐富，共設置了 9 座國家公園及 1 座國家自然公園，除了擁有美麗景色之外，更蘊涵著多元生態。

- 陽明山國家公園：位於大屯火山群之核心地區，以獨特的火山地質與地形景觀著稱。
- 雪霸國家公園：獨特地形地質景觀，珍稀保育動植物，擁有國寶「臺灣櫻花鉤吻鮭」、先民遺址及原住民（泰雅族與賽夏族）人文史蹟。
- 太魯閣國家公園：含括大理岩峽谷景觀、高山地形、豐富的動植物生態及史前遺址與太魯閣族人文史蹟。
- 玉山國家公園：「臺灣第一高峰」玉山主峰分布於此，其囊括了豐富多樣的高山生態景觀、原住民文化及八通關古道等人文古蹟。



陽明山國家公園

Vườn quốc gia Dương Minh Sơn

(2) 9 khuôn vườn quốc gia và 1 công viên cảnh quan tự nhiên của quốc gia

Thông tin du lịch cảnh quan thiên nhiên của Đài Loan khá phong phú, tổng cộng thành lập 9 khuôn vườn quốc gia và 1 công viên cảnh quan tự nhiên của quốc gia, ngoài những cảnh đẹp mê hồn ra, còn vun đắp nhiều sinh thái đa dạng.

- “Vườn quốc gia Dương Minh Sơn” : nằm ở trung tâm dạng địa hình núi lửa Đại Đồn, Dương Minh Sơn nổi tiếng với cảnh quan độc đáo và các địa chất núi lửa.
- “Vườn quốc gia Tuyết Bá” : Cảnh quan địa chất độc đáo, bảo tồn động vật và thực vật quý hiếm, sở hữu báu quốc gia với 「 cá hồi hoa anh đào Đài Loan 」、 lịch sử nhân văn của dân tộc Say-Siyat và dân tộc Atayal.
- “Vườn quốc gia Thái Lỗ Các” : bao gồm một thung lũng hẻm núi đá Đại Lí Nham , địa hình núi cao, và hệ sinh thái động thực vật phong phú , đây cũng là lịch sử nhân văn của những người bản địa Thái Lỗ Các.
- “Vườn quốc gia Ngọc Sơn” : “Vườn quốc gia cao nhất” trên đảo chính của Đài Loan, nằm ở trung tâm dãy núi Ngọc Sơn, gồm có một loạt sinh thái núi cao , văn hóa thổ dân và các di tích văn hóa phổ cổ Bát Thông Quan.



雪霸國家公園

Vườn quốc gia Tuyết Bá





Part 01

- 墾丁國家公園：可見隆起高位珊瑚礁地形與珊瑚生態系、熱帶動植物生態、過境候鳥棲息地、先民文化遺跡。
- 金門國家公園：以歷史文化、戰役史蹟與豐富的候鳥資源著名。
- 東沙環礁國家公園：具生物多樣性高的海草床、珊瑚礁潟湖生態系及完整獨特的珊瑚環礁地形，蘊藏豐富而多元的海洋文史資源。
- 台江國家公園：先民橫渡黑水溝（臺灣海峽）來臺墾拓的歷史文化，豐沛、多樣性的國際級濕地自然生態、古航道，含漁、鹽傳統產業，候（水）鳥及紅樹林等豐沛珍貴野生動植物資源。
- 澎湖南方四島國家公園：特殊的玄武岩地質景觀具有成為世界遺產的普世價值，同時擁有珍貴珊瑚礁生態系、獨特「菜宅」人文地景與移民歷史等多樣化的資源
- 壽山國家自然公園：位於高雄市西南方，是都會區難得的自然寶庫，擁有獨特之隆起高位珊瑚礁石灰岩生態、珍貴之史前貝塚遺跡、鳳山縣舊城、打狗英國領事館官邸等人文歷史古蹟及臺灣獼猴等豐富自然資源。



台江國家公園
Vườn quốc gia Đài Giang

2. 各縣市特色景點：

臺灣四面環海，景緻優美，全省各地有其在地特色。各縣市旅遊服務中心資訊（請掃描下列 QRcode 或參考附表一）。



各地方政府旅遊服務中心
Trung tâm dịch vụ du lịch chính quyền địa phương

- “Vườn quốc gia Khăn Đinh” : có thể nhìn thấy địa hình rạn san hô nhô lên và hệ sinh thái san hô、 hệ sinh thái động vật và thực vật nhiệt đới、 môi trường sống của chim di cư quá cảnh、 và các di tích văn hóa tổ tiên.
- “Vườn quốc gia Kim Môn” : Vườn quốc gia nổi tiếng với những chiến trường lịch sử và tài nguyên phong phú của chim di cư theo mùa.
- “Vườn quốc gia Rạn san hô vòng Đông Sa” : Thảm rong biển của sinh vật có chất năng đa dạng cao、 hệ sinh thái đầm phá rạn san hô và một địa hình độc đáo và hoàn chỉnh vì có rạn san hô vòng quanh, còn vun đắp một tài nguyên phong phú và đa dạng của biển cả、 lịch sử và văn hoá.
- “Vườn quốc gia Đài Giang” : Tổ tiên đã vượt qua mương nước đen (eo biển Đài Loan) đến Đài Loan mở mang đất hoang và lịch sử văn hóa, sinh thái thiên nhiên và dồi dào đất đầm lầy phong phú và đa dạng nổi bật quốc tế、 Kênh cổ, chứa các nguồn động vật và thực vật hoang dã phong phú như thủy sản、 ngành công nghiệp truyền thống làm muối, chim di cư quá cảnh và nước ngập mặn.
- “Vườn quốc gia tứ đảo biển nam Bình Hồ” : Bởi những cảnh quan độc đáo của đá Huyền Vũ có giá trị phổ quát trở thành một di sản thế giới, đồng thời, có nhiều nguồn tài nguyên đa dạng như hệ thống sinh thái rạn san hô quý giá 「tràng trại rau」 độc đáo của con người và lịch sử di cư.
- “Vườn quốc gia tự nhiên Thọ Sơn” : nằm ở phía Tây Nam thành phố Cao Hùng, là một kho báu tự nhiên và quý hiếm nằm ở khu đô thị, có một hệ sinh thái độc đáo thuộc địa hình rạn san hô và đá vôi nằm ở dốc cao、 những tàn tích thời tiền sử quý giá、 thành phố cổ của huyện Phụng Sơn、 tượng đài lịch sử loài người、 nơi cư trú chính thức của lãnh sự quán Đả Cầu nước Anh và tài nguyên thiên nhiên phong phú của khí Mắc Ca Đài Loan.

2. Đặc điểm các huyện và thành phố:

Đài Loan được bao quanh bởi biển và cảnh đẹp, các nơi ở các tỉnh đều có nét đặc trưng và vẻ đẹp riêng, thông tin trung tâm dịch vụ du lịch các thành phố và tỉnh (Vui lòng quét mã QRcode sau đây hoặc tham khảo Phụ lục 1).





♥ 夜市文化

臺灣每個著名的夜市都有不同的特色與風味小吃，是臺灣非常特殊的文化。透過地方小吃，遊客可以更認識地方特產、文化與人文典故，為旅程增加不少豐富色彩，以下是目前臺灣各地具代表性的觀光夜市（同註 5）。

1. 著名夜市景點：

- 北臺灣夜市：基隆廟口夜市、士林夜市、饒河街夜市、華西街夜市、臨江街觀光夜市、寧夏觀光夜市。
- 中臺灣夜市：臺中市逢甲夜市。
- 南臺灣夜市：嘉義市文化路夜市、臺南市花園夜市、高雄市六合觀光夜市、高雄市瑞豐夜市、屏東夜市。
- 東臺灣夜市：宜蘭縣羅東夜市、花蓮縣東大門夜市。

2. 營業時間：約為下午 5 點至隔夜凌晨 1 點。

3. 營業內容：夜市不但供應美食小吃，也提供各式各樣的貨品，還有一些娛樂遊戲等。



基隆廟口夜市
Chợ đêm Miếu Khẩu Cơ Long



臺北士林夜市
Chợ đêm Sĩ Lâm Đài Bắc



臺中逢甲夜市
Chợ đêm Phùng Giáp Đài Trung



高雄六合夜市
Chợ đêm Lục Hợp Cao Hùng

♥ Văn Hoá chợ đêm

Mỗi chợ đêm ở Đài Loan đều có những món ăn nhẹ và nét đặc trưng khác nhau, là nét văn hoá đặc sắc của người Đài Loan. Cùng với các món ăn nhẹ của địa phương, du khách có thể làm quen với các đặc sản địa phương, điển tích con người và văn hoá, tô thêm không ít sắc màu cho cuộc hành trình, sau đây là các khu chợ đêm du lịch đặc trưng ở Đài Loan (ghi chú 5).

1. Điểm tham quan chợ đêm nổi tiếng：

- Chợ đêm phía bắc Đài Loan : chợ đêm Miếu Khẩu Cơ Long, chợ đêm Sĩ Lâm, chợ đêm Raohe, chợ đêm Huaxi, chợ đêm du lịch phố Lâm Giang, chợ đêm du lịch Ninh Hạ.
- Chợ đêm phía Trung Đài Loan : Chợ đêm Phùng Giáp thành phố Đài Trung.
- Chợ đêm phía Nam Đài Loan : Chợ đêm đường Văn Hoá thành phố Gia Nghĩa, chợ đêm Hoa Viên thành phố Đài Nam, chợ đêm du lịch Lục Hợp thành phố Cao Hùng, chợ đêm Thụy Phong thành phố Cao Hùng.
- Chợ đêm phía đông Đài Loan : chợ đêm La Đông huyện Nghi lan, chợ đêm Đông Đại Môn huyện Hoa Liên.

2. Thời gian mở cửa : khoảng 5 giờ chiều đến 1 giờ sáng mỗi đêm.

3. Nội dung bán hàng : Chợ đêm không chỉ bày bán những món ăn nhẹ, các mặt hàng sản phẩm khác nhau mà còn có những trò chơi.





Lễ hội và Tín ngưỡng

Lễ hội

Trong một loạt lễ hội của Đài Loan, đón Tết Nguyên đán là quan trọng nhất, ngoài ra còn có Tết Thanh Minh tảo mộ, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung Thu, đây là bốn lễ hội lớn, lễ hội đèn lồng và lễ hội rằm tháng 7 cô hồn, cũng là lễ hội quan trọng của người Đài Loan. Mỗi khi vào những ngày lễ này, cả gia đình đều quây quần cùng nhau đón lễ, thể hiện được nét văn hóa truyền thống của người Đài Loan coi trọng sự quan hệ gia đình. Phong tục và ăn mừng mỗi lễ hội như sau :

► Tết Nguyên đán

Ngày: ngày 30/12 âm lịch là ngày giao thừa, ngày mồng một tháng giêng bắt đầu lễ hội Tết.

Tết Nguyên đán, là Tết của âm lịch, là lễ hội đầu tiên của năm. Không khí của lễ hội mùa xuân là nồng ấm nhất trong khoảng thời gian mồng một đến mồng năm tháng giêng âm lịch (lịch tây khoảng tháng hai), phong tục dân gian gọi là "xua bỏ năm", ý là bỏ hết những điều cũ kĩ của năm đã qua và đón chờ những điều mới mẻ, đây được coi là lễ hội quan trọng nhất trong năm.

trước khi Tết đến sẽ tiến hành dọn dẹp nhà cửa, mua sắm đồ tết, ăn cơm đoàn viên trong đêm Giao thừa, người lớn lì xì cho trẻ nhỏ, con cái giữ gìn tuổi thọ cho người lớn, dán câu đối Tết, cúng thần linh, cúng tổ tiên, đốt pháo hoa, sau mồng một là có thể đi lễ chùa vui xuân, đi chúc Tết thăm hỏi người thân bạn bè v.v ,đây là những phong tục chung của ngày Tết.

Ngày cuối cùng của tháng 12 âm lịch là ngày Giao thừa, cả nhà quây quần bên "cái lẩu" ăn cơm Giao thừa, có một vài món phải ăn trong đêm đó như "cải bẹ xanh", "củ cải trắng", "cá", "trái dưa".

節慶與信仰

節慶

在臺灣的節慶中，以農曆新年為最重要，與清明節、端午節和中秋節，列為四大節慶，另外如元宵節及中元節，也是臺灣居民重要的節日。每逢這些節日，全家人多會聚集在一起過節，充分展現臺灣人重視家庭關係的傳統文化特色。各節日的慶祝內容及習俗介紹如下：

► 農曆新年

日期：農曆十二月卅日為除夕，正月初一為春節的開始

春節，即農曆新年，是一年之歲首。春節氣氛以農曆正月初一到初五（約在國曆 2 月期間）最為濃厚，民間俗稱「過年」，含有辭舊迎新之意，被視為一年中最重要節慶。

年前會先進行大掃除、採辦年貨，除夕吃團圓飯、發壓歲錢、守歲、貼春聯、拜神、祭祖、放鞭炮，初一後則可能會開始走春與親友相互拜年祝福等，這些都是春節常見的習俗。

而在農曆 12 月最後一日之除夕夜，全家會一起「圍爐」吃年夜飯，有幾樣菜是必吃的，如「長年菜」、「菜頭」、「魚」、「鳳梨」。



除夕夜團圓飯

Cơm đoàn viên trong đêm Giao thừa





Part 01

元宵節

日期：農曆正月十五日

元宵節，一般稱為「小過年」，在眾多節慶中，元宵節熱鬧的程度僅次於農曆春節，屬十分重要的大型傳統文化節慶。元宵節是農曆新年的第一個月圓之夜，約在國曆2月期間，為祭月、賞月的日子，也象徵著春天到來，更是傳統新春定義的最後一天，民眾會熱衷參與賞花燈、提燈籠、猜燈謎等活動。節慶食物是湯圓，取其圓形有「團圓完滿」之意。

新北平溪天燈 Đền trời Bình Khê



此外，全國各地張燈結綵熱鬧地辦理燈會及慶祝元宵節的系列活動，包括臺灣燈會、平溪天燈、臺東炸寒單、臺南鹽水蜂炮等及各地廟宇傳統慶祝儀式，已成為最受國際觀光客喜愛的臺灣節慶。



有趣的是，越南的中秋節反而和臺灣的元宵節很像，各地會舉辦燈會及花燈比賽。越南中秋節也是兒童節，每年臨近中秋節時，越南的小朋友就會提著鯉魚燈籠到處玩樂，期盼長大後能夠「跳龍門」步步高升，除了提燈籠討個好彩頭外，越南人還會一起出門看花燈及水燈。雖然節日名稱相同，但國情文化不同，因此所呈現的過節方式也不一樣。

Lễ hội đèn lồng

Ngày: Ngày 15 tháng giêng âm lịch

Tết Nguyên Tiêu, thường còn gọi là “ăn Tết nhỏ”, trong nhiều lễ hội, sự thu hút của lễ hội đèn lồng chỉ xếp sau Tết Nguyên đán, một lễ hội văn hoá truyền thống lớn và quan trọng nhất ở Đài Loan. Tết Nguyên Tiêu một đêm rằm trăng tròn đầu tiên của năm mới, lịch tây khoảng tháng hai, là ngày lễ cúng trăng ngắm trăng, tượng trưng cho sự có mặt của mùa xuân, đây cũng là ngày cuối cùng của lễ hội mùa xuân truyền thống, xách lồng đèn, nhìn chiếc đèn lung linh, đố câu đối là hoạt động mà mọi người đều háng hái tham gia. Bánh trôi là món ăn chủ yếu trong lễ hội, hình viên tròn trong nước mang ý nghĩa đoàn tụ và tốt đẹp, ăn bánh trôi là tập tục truyền thống.



Cả nước khắp nơi đều tổ chức một loạt hoạt động Hội hoa đăng rực rỡ và sống động chúc mừng lễ hội lồng đèn, các nghi thức lễ chùa truyền thống của địa phương bao gồm Hội đèn hoa Đài Loan, Hội đèn trời Bình Khê, lễ hội tia lửa pháo hoa chạm vào người ở Đài Đông, lễ Hội pháo hoa Tổ ong Diêm Thủy v.v, đã trở thành lễ hội được nhiều khách du lịch yêu thích ở Đài Loan.



Sự thú vị là, Tết trung thu của Việt Nam Lại giống hệt như lễ hội đèn lồng ở Đài Loan, khắp nơi tổ chức Hội hoa đăng thi nhau đèn lồng, Tết Trung thu Việt Nam cũng là Tết thiếu nhi, hàng năm, khi sắp đến Tết Trung thu, trẻ em Việt Nam sẽ dắt díu nhau rước đèn cá chép đi khắp phố phường, hy vọng sau khi lớn lên có thể như cá chép “nhảy ra cổng” và từng bước vọt lên, có ý nghĩa tốt đẹp, người Việt Nam còn dắt nhau đi xem đèn lồng. Mặc dù tên lễ hội giống nhau, nhưng văn hoá tình hình đất nước thì khác, do đó, cách thể hiện đón lễ hội cũng không giống nhau.





清明節

日期：農曆「清明」

二十四節氣中，訂「清明」日為「民族掃墓節」，約在國曆四月四日、四月五日其中一天，在這一天掃墓、祭祖，象徵家族興旺、子孫綿延，傳達慎終追遠的精神，也是臺灣重要的風俗之一。

民間清明節掃墓可分成兩種儀式，即「陪墓」和「掛紙」。

「陪墓」也就是「掃墓」，又叫墓祭、祭掃或上墳，意即修墓與祭拜。「掛紙」在臺灣的習俗中稱為「壓墓紙」，掛紙時，先要將生長在祖先墳墓上的野草整理清除，再用小石頭或磚塊將墓紙壓在墳上。墓紙分為白色、紅色、黃色的古仔紙以及五色紙（紅黃藍白黑）兩類，現在則多用五色紙，其用意是蓋厝瓦或表示子孫已祭拜過。

臺灣由於地小人稠，現代社會多以納骨塔或是樹葬替代土葬；而掃墓方式已經較以前簡化，並大多以鮮花水果為祭品。清明節常見祭品有紅龜粿、草仔粿、米糕、發粿、菜頭、韭菜。



常見的清明節祭品
Những đồ cúng thường gặp

Tết Thanh Minh

Ngày : Âm lịch “Thanh minh”

Trong 24 Khí tiết, ngày “Thanh minh” được chọn là ngày “Lễ tảo mộ dân tộc”, nhằm ngày 4 hoặc ngày 5 của tháng 4 theo lịch Dương, việc tảo mộ vào ngày này tượng trưng cho sự hưng thịnh của gia tộc, con cháu đầy đàn, truyền đạt tinh thần nhớ về nguồn cội, và đây cũng là một trong những phong tục quan trọng của Đài Loan.

Lễ Thanh minh ở dân gian chia thành hai nghi lễ, “tảo mộ” và “treo giấy”. “tảo mộ” cũng là “quét mộ” và cũng gọi là “dâng mộ”, quét dọn tế lễ, sửa sang các ngôi mộ cho tổ tiên cho sạch sẽ. “treo giấy” trong phong tục Đài Loan gọi là “đề giấy trên mộ”. Lúc treo giấy, đầu tiên phải rẫy hết cỏ dại và những cây hoang mọc trùm lên mộ, sau đó dùng viên đá gạch đắp lại nấp mộ cho đầy đặn và đề giấy trên mộ. Những màu giấy này có màu trắng, đỏ, màu vàng nâu và giấy ngũ sắc (đỏ vàng xanh da trời trắng đen) hai loại, hiện nay dùng giấy ngũ sắc nhiều hơn, mục đích của nó là che ộp mộ hoặc con cháu đã tới tảo mộ rồi.

Diện tích đất Đài Loan nhỏ, người nhiều, xã hội hiện đại thường thay thế việc chôn cất bằng bỏ vào tháp cốt tro hoặc chôn dưới cây sâu vào lòng đất; và đi tảo mộ đã trở thành đơn giản hơn, đa số đồ cúng là hoa tươi và trái cây. Các đồ cúng trong Tết Thanh minh có bánh giò, bánh gạo, bánh hẹ, bánh củ cải.



端午節

日期：農曆五月五日

端午節約在國曆 6 月期間，最普遍的習俗為「划龍舟」和「吃粽子」。時至今日，划龍舟已是一項遍及海內外的觀光活動，每年全臺北、中、南各地均有大型龍舟競賽，近年還擴大舉辦國際邀請賽，盼同國外朋友共襄盛舉。粽子的形狀及口味變化豐富，依其做法和口味的不同，可區分為臺式粽、客家粽及地方風味粽。

除此之外，另有各種習俗在民間廣為流傳，如在門上懸掛艾草，藉以避趕蚊蟲；佩帶香包及飲雄黃酒等以保平安，飲午時水、沐午時水、午時立蛋等。



端午節「划龍舟」
Tết đoàn ngộ "đua thuyền rồng"



Tết đoàn ngộ

Ngày: ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch

Tết đoàn ngộ vào lịch Tây là khoảng tháng sáu, phong tục cổ truyền của Tết đoàn ngộ là phải "đua thuyền rồng" và "ăn bánh ú". Ngày nay, đua thuyền rồng là hoạt động được các nơi trong nước và nước ngoài tổ chức cho người dân tham quan, cả nước các nơi như phía Bắc, phía Trung, phía Nam đều có tổ chức cuộc đua thuyền rồng lớn hàng năm, mấy năm gần đây, còn mở rộng tổ chức cuộc thi đấu quốc tế, long trọng kính mời các bạn nước ngoài tham gia. Hình dạng và mùi vị của bánh ú phong phú đa dạng, tùy thuộc vào khẩu vị khác nhau để làm bánh, có thể chia ra khẩu vị người Đài, khẩu vị người Hẹ (Hakka) và khẩu vị địa phương.

Ngoài ra, còn các tập tục lưu truyền rộng rãi trong dân gian, như mọi người đều treo trước nhà của mình một bó cỏ xương bồ và ngải cứu, để tránh muỗi và sâu, còn đeo bên mình một chiếc túi thơm và uống rượu Hùng Hoàng để được bình an, uống nước giữa 12 giờ, tắm giữa 12 giờ, 12 giờ trưa quả trứng dựng đứng v.v.



端午節「吃粽子」為普遍習俗之一
Tết đoàn ngộ "ăn bánh ú" một trong những phong tục phổ biến





♥ 中元節

日期：農曆七月十五日
農曆 7 月俗稱「鬼月」，在傳統習俗中，從農曆 7 月 1 日凌晨起地府鬼門開，到農曆 7 月 29 日鬼門關的這段期間，民間為祈求消災解厄、諸事順利平安，各地均舉辦大大小小的祭典，尤以 7 月 15 日中元節這一天達到祭典的最高潮。

臺灣中元節有「普渡」的習俗，主要祭拜俗稱「好兄弟」的孤魂野鬼，並祭祀祖先，通常會準備雞鴨魚肉等牲品，各地則舉辦搶孤和放水燈等活動。

「搶孤」是中元節重大的慶典之一，臺灣目前在宜蘭縣頭城鎮及屏東縣恆春鎮兩地仍有舉辦，其中又以頭城搶孤規模最大。早年在閩粵先民入墾宜蘭的過程中，許多人受到天災、人禍、疾病而命喪異域，因恐祭祀無人、魂魄無所歸依，便於每年中元普渡時舉行搶孤儀式，悼念先人。



臺灣中元節有普渡祭拜的習俗
Tết Trung Nguyên Đài Loan có tập tục cúng phở độ

♥ Tết Trung nguyên

Ngày: ngày 15 tháng 7 âm lịch

Ngày 15 tháng 7 âm lịch được gọi là tháng “cô hồn”, trong tập tục truyền thống, kể từ một giờ sáng ngày mùng 1 tháng 7 âm lịch Diêm Vương mở cửa Địa ngục đến ngày 29 tháng 7 âm lịch cửa Địa ngục đóng lại, trong dân gian, người dân cầu nguyện cho khỏi vận hạn tai ương và bình an, tất cả các địa phương và khu phố đều tổ chức cúng bái, hầu hết mọi người đều thích cúng vào ngày 15 tháng 7.

Tết Trung nguyên ở Đài Loan có tập tục phổ độ, chủ yếu là cúng lễ cho các cô hồn dã quỷ không chốn đi về, thường được gọi là “anh em tốt”, đồng thời cúng bái tổ tiên, thường chuẩn bị thịt gà vịt cá rất thịnh soạn, ở nhiều nơi cũng tổ chức lễ hội rước ma và thả đèn v.v.

Lễ rước ma là hoạt động vô cùng sâu sắc trong Tết Trung nguyên, hiện nay, ở thị trấn Đầu Thành huyện Nghi Lan và thị trấn Hằng Xuân huyện Bình Đông hai nơi này vẫn còn tổ chức Hoạt động, trong đó, thị trấn Đầu Thành có quy mô rước ma lớn nhất và long trọng nhất. Trước đây, khi tổ tiên của người Phúc Kiến và người Quảng Đông quá trình vào mở mang vùng đất Nghi Lan, nhiều người bị thiên tai, thảm họa nhân tạo, bệnh tật và chết ở xứ người, vì sợ không ai cúng bái họ, lang thang không nơi nương tựa và trở thành cô hồn dã quỷ, nên vào mọi năm Tết Trung nguyên phổ độ, tổ chức lễ hội rước ma để tưởng nhớ và quan tâm đến các hồn ma này.





中秋節

日期：農曆八月十五日

中秋節的活動大都與月亮有關，如拜月、吃月餅等，都是從月亮衍生而來。此外，還有「吃柚子」的習俗，取「柚」與「佑」諧音，代表受月亮護佑之意。

至於「烤肉」，則是近年來臺灣中秋節興起的活動，在月光下與家人、朋友齊聚一堂享用烤肉盛宴，可以聯繫感情，也是闔家團圓的機會。

此外，中秋節也恰巧是越南的兒童節，在越南，家家戶戶的小朋友也會提燈籠慶祝。



臺灣中秋節有「吃柚子」及「月餅」的習俗
Tết Trung Thu Đài Loan có tập tục ăn "bưởi" và ăn "bánh Trung Thu"



Tết Trung Thu

Ngày: ngày 15 tháng 8 âm lịch

Những Hoạt động của Tết Trung thu đều có liên quan đến mặt trăng, lễ hội chủ yếu bao gồm cúng mặt trăng, ăn bánh trung thu vv, các tập tục này đều có nguồn gốc từ mặt trăng. Ngoài ra, còn có tập tục "ăn bưởi", lấy chữ "bưởi" âm điệu hòa hợp với chữ "hựu", "trăng hựu", có ý nghĩa là được sự che chở bảo vệ của mặt trăng.

Còn về món "thịt nướng", đó là niềm thú vị của Tết trung thu Đài Loan trong những năm gần đây, khi cả nhà và bạn bè quay quàn bên bếp than hồng cùng nhau nướng thịt và thưởng thức miếng thịt tươi ngon, vui cười dưới ánh trăng tượng trưng cho sự sum họp, hạnh phúc và đầm ấm.

Ngoài ra, Tết Trung thu cũng là Tết thiếu nhi Việt Nam, gia đình nào có trẻ em đều sẽ dắt diều nhau rước đèn đi chơi quanh phố phường.



信仰

臺灣宗教信仰多元而平等，各宗教受《中華民國憲法》保障，人民擁有宗教信仰自由。此外，臺灣傳教環境也很開放，政府奉行「政教分離」原則，宗教與政治勢力互不干涉。又因臺灣為移民社會，除固有的傳統信仰如道教、佛教、一貫道及民間信仰外，西方世界常見的宗教如天主教、基督教及伊斯蘭教等，在臺灣也擁有一些信眾。

民間信仰

臺灣民間信仰基本上為多神信仰，融合儒、釋、道三教，隨著閩粵移民，由中國華南地區傳播來臺、落地生根，逐漸產生本土佛道混合的民間信仰風格。其中以王爺和媽祖為臺灣最盛行的兩大民間信仰。又根據內政部宗教統計資料顯示，臺灣民間信仰的寺廟約 8,000 座，主祀神明包括媽祖、王爺、觀音佛祖、土地公、玉皇上帝、關聖帝君及保生大帝等。



臺北保安宮
Đền Bảo An Đài Bắc



高雄佛光山
Phật Quan sơn Cao Hùng

Tín Ngưỡng

Tín ngưỡng tôn giáo Đài Loan đa dạng và bình đẳng, tất cả các tôn giáo đều được bảo vệ bởi «Hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc», người dân có được sự tự do trong tín ngưỡng tôn giáo. Ngoài ra, môi trường truyền giáo của Đài Loan cũng rất tự do, chính phủ tuân thủ nguyên tắc tách rời chính quyền và tôn giáo, tôn giáo và các lực lượng chính trị không can thiệp lẫn nhau. Vì Đài Loan là một xã hội di dân, ngoài các tín ngưỡng truyền thống đã có như Đạo giáo, Phật giáo, Đạo giáo nhất quán và tôn giáo dân gian, còn có các tôn giáo phổ biến của phương tây, như Thiên chúa giáo, Đạo tin lành và Hồi giáo, cũng có không ít tín đồ ở Đài Loan.

Tín Ngưỡng Dân Gian

Tín ngưỡng dân gian Đài Loan trên cơ bản là tín ngưỡng nhiều tượng thần, kết hợp ba tín ngưỡng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo với sự nhập cư của Phúc Kiến và Quảng Đông, từ khu vực Hoa Nam Trung Quốc lan truyền đến Đài Loan sinh sống và nảy mầm, dần dần nảy mầm một phong cách tín ngưỡng dân gian pha trộn với Phật giáo bản địa. Trong đó, Thần Vương Gia và Thiên Hậu Thánh Mẫu là hai tín ngưỡng phổ biến ở dân gian Đài Loan. Theo thống kê tôn giáo của Bộ nội vụ, khoảng 8,000 ngôi đền thờ của tín ngưỡng dân gian Đài Loan, các vị thần chính bao gồm Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thần Vương Gia, Quang Âm Phật Tổ, Ông Thổ Địa, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Quang Thánh Đế Quân và Bảo Sinh Đại Đế v.v.





佛教

臺灣佛教主要派別為淨土宗及禪宗；而就佛教團體來看，則以慈濟、佛光山、法鼓山以及中台禪寺等四大團體較為著名，近年亦有多元文化的發展，辦理各類社會福利活動（註 7）。

道教

臺灣民眾多將民間信仰與道教混合，因此多以地域性香火廟宇為主體，除濟貧賑災外，也常透過廟會慶典活動，對社會發揮一定的影響力。近年來，亦積極投入社會教化及社會醫療等工作（同註 7）。

天主教、基督教

基督教於 17 世紀中期傳入臺灣，至 19 世紀開始擴大傳教的規模。天主教與基督教傳教士在 19 世紀為臺灣引進西式醫療、新式教育、社會福利事業等，是臺灣社會走向現代化的重要推手之一。目前臺灣的天主教與基督教仍持續投入公益慈善事業，除了創辦多所學校以外，也致力興建醫療機構、庇護與關懷兒童及婦女，以及從事災難之救助，為社會帶來愛心與溫暖（同註 7）。



天主教堂
Nhà Thờ Thiên Chúa

Phật Giáo

Các phái chính của Phật giáo Đài Loan chia Tịnh Thổ và Tiền Tông; như đã thấy trong phái Phật tử, có Từ Tế, Phật Quang Sơn, Pháp Cổ Sơn và Đan Tự Đài Trung v.v là bốn nhóm phái chính nổi tiếng, trong những năm gần đây, cũng đã có những phát triển đa văn hóa, tổ chức các hoạt động phúc lợi xã hội khác nhau (ghi chú 7).

Đạo Giáo

Người dân Đài Loan thường mang tín ngưỡng dân gian trộn lẫn với Đạo Giáo, do đó, các khu vực chủ yếu có những đền chùa nhang đèn, ngoài việc giúp đỡ người nghèo và người gặp thảm họa, họ thường làm những việc tiến cận xã hội hơn do tổ chức các hội chợ ở chùa. Trong những năm gần đây, họ cũng tích cực tham gia vào công tác y tế xã hội và giáo dục xã hội v.v (ghi chú 7).

Đạo Thiên Chúa, Tin lành

Tin Lành được truyền nhập tới Đài Loan ở giữa thế kỷ 17, đến thế kỷ 19 quy mô của việc truyền giáo bắt đầu mở rộng. Vào thế kỷ 19, các nhà truyền giáo Tin Lành và Đạo Thiên Chúa mang vào y tế phương tây, cách giáo dục mới, nghề nghiệp và phúc lợi xã hội v.v, đây là một trong những người chủ yếu đưa Đài Loan tiến tới xã hội hiện đại. Hiện nay, Đạo thiên chúa và Đạo tin lành ở Đài Loan vẫn tiếp tục làm từ thiện và việc có lợi ích chung cho xã hội, ngoài việc thành lập nhiều ngôi trường học, đồng thời xây dựng các cơ sở y tế, nơi bảo hộ và chăm sóc trẻ em và phụ nữ, và làm những việc cứu trợ người bị nạn, mang lại sự quan tâm và ấm áp cho xã hội (ghi chú 7).





♥ 伊斯蘭教

臺灣民衆通常稱伊斯蘭教為「回教」，並將其信徒「穆斯林」稱為「回教徒」。臺灣目前的回教徒，主要是由國民政府於民國 38 年遷臺的穆斯林及其後代所組成，和大部分臺灣的新住民一樣，回教徒也集中於六大都會區。基於伊斯蘭教「五功」等基本規範，各國穆斯林之間並無太大差異，所以印尼籍或其他外籍之穆斯林，都可和臺灣回教徒於各地清真寺一起做禮拜與從事節日慶祝活動（註 8）。

總體而言，我國宗教信仰自由，不僅為信徒提供安頓身心的力量，更透過辦理社會公益事務而提高人民福祉，發揮穩定社會之功能。

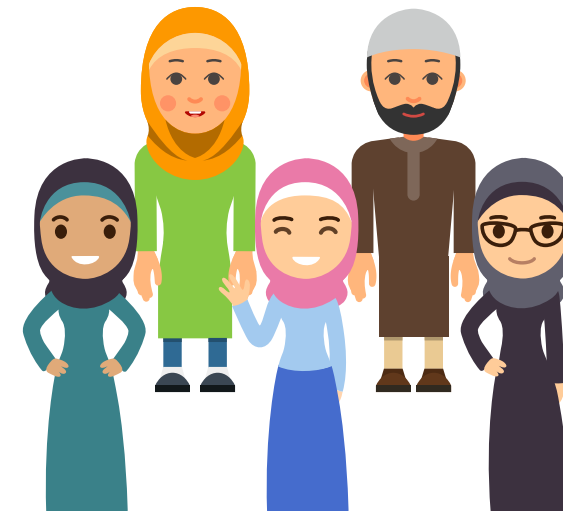


清真寺
Thanh Chân Tự

♥ Hồi Giáo Islam

Người Đài Loan thường gọi Islam là “Hồi giáo”, và gọi tín đồ Muslim là “tín đồ Hồi giáo”, người Hồi giáo hiện tại ở Đài Loan, chủ yếu gồm có người Muslim và con cháu của họ đã chuyển sang Đài Loan vào thời chính phủ Quốc Dân năm 38 (năm 1949), hầu hết giống như những người di cư mới ở Đài Loan, người Hồi giáo cũng tập trung ở sáu khu vực của đô thị. Dựa trên các tiêu chuẩn cơ bản của năm nghĩa vụ Islam, không có nhiều khác biệt giữa những người Muslim ở các nước khác, vì vậy, quốc tịch Indonesia hay các quốc tịch Islam khác, họ đều có thể tham gia vào các lễ hội hoạt động của các nhà thờ Hồi giáo ở Đài Loan (ghi chú 8).

Nói chung, nước ta có một tín ngưỡng tôn giáo tự do, không chỉ cung cấp cho các tín đồ nơi yên ổn để gửi gắm tinh thần và sức mạnh, còn tổ chức làm từ thiện và việc có lợi ích chung cho xã hội để nâng cao phúc lợi của dân chúng, xây dựng nền xã hội ổn định.





入境注意事項

臺灣以農立國，農畜產業為經濟發展之本源，為維護此一安全穩定之生產環境，請務必於出入國境時，配合相關檢疫措施，共同防範重大疫病蟲害入侵、傳播及蔓延，以維持優質生活環境及我國農畜產業安全。

▶ 請勿攜帶肉類產品或動植物產品入境臺灣

倘有攜帶動植物及其產品，入境時應主動申請檢疫；新住民自過去曾發生非洲豬瘟的國家（地區）違規攜帶豬肉類產品入境（如肉鬆、香腸、生鮮豬肉、臘肉、燕皮等），目前第 1 次違規者裁處新臺幣 20 萬元，第 2 次再違規者則裁處 100 萬元罰鍰。

▶ 為避免國外重大疫病及有害生物傳入臺灣，我國採取之動植物檢疫措施如下：

1. 動物檢疫物不得以郵遞寄送輸入；其以郵遞寄送輸入者，應予退運、沒入或銷毀。旅客或服務於車、船、航空器人員，攜帶動物檢疫物應依動物傳染病防治條例及其相關規定辦理。
2. 另採海空運、郵寄或旅客攜帶方式輸入植物檢疫物（含鮮果實、種子等植物產品），輸入人、收件人須依植物防疫檢疫法及其相關規定辦理。

3. 詳細資訊請至行政院農業委員會動植物防疫檢疫局全球資訊網查閱（請至 www.baphiq.gov.tw 或掃描右方 QRcode）。



入境臺灣時，請務必配合相關檢疫

Khi nhập cảnh Đài Loan, vui lòng hợp tác với các công tác kiểm dịch liên quan



Điều khoản chú ý khi nhập cảnh

Đài Loan là một quốc gia dựng lên bởi nông nghiệp, ngành chăn nuôi và trồng trọt là nền tảng phát triển kinh tế của nước ta, để bảo hộ và duy trì môi trường sản xuất an toàn và ổn định này, khi xuất nhập cảnh vui lòng phối hợp với các biện pháp kiểm dịch có liên quan, cùng nhau phòng ngừa các dịch bệnh xâm chiếm, lây truyền rộng khắp nơi, duy trì môi trường sống lành mạnh, sự an toàn của ngành nông nghiệp và chăn nuôi của nước ta.

▶ Xin dừng mang sản phẩm thịt và sản phẩm động vật và thực vật nhập cảnh Đài Loan

Nếu bạn mang theo động thực vật và sản phẩm có liên quan, khi nhập cảnh bạn phải chủ động đăng ký kiểm dịch; Cư dân mới đã mang sản phẩm thịt lợn bất hợp pháp từ các nước (khu vực) đã xảy ra dịch tả lợn Châu Phi nhập cảnh, như thịt chà bông, xúc xích, thịt lợn tươi sống, thịt xông khói, lá hoành thánh vv, áp dụng mức phạt từ 200,000 Đài tệ cho người vi phạm lần đầu, áp dụng mức phạt từ 1,000,000 Đài tệ cho người vi phạm lần thứ hai.

▶ Để tránh bệnh dịch nặng và sinh vật có hại từ nước ngoài lây truyền vào nước ta, các biện pháp kiểm dịch động thực vật được áp dụng ở Đài Loan như sau:

1. Sản phẩm đã được kiểm dịch không được gửi qua đường bưu điện; Nếu ai đã gửi qua đường bưu điện, sẽ bị trả lại, tịch thu và tiêu hủy. Hành khách hoặc nhân viên phục vụ trên phương tiện như xe, tàu, máy bay mang sản phẩm kiểm dịch động vật, nên tuân theo các quy định phòng chống bệnh lây lan động vật và xử lý theo quy tắc có liên quan.
2. Vận chuyển đường biển, dùng phương tiện ký gửi hoặc hành khách tự mang vào sản phẩm kiểm dịch thực vật (sản phẩm thực vật gồm trái cây tươi, hạt giống vv) người gửi, người nhận nên tuân theo các quy định kiểm dịch phòng chống thực vật và xử lý theo quy tắc có liên quan.
3. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng truy cập mạng thông tin toàn cầu của Cục phòng dịch và kiểm dịch động thực vật Quý nông nghiệp Viện hành chính (www.baphiq.gov.tw).





生活輔導篇

- 88 生活輔導與資源
- 102 教育及語文學習
- 110 金融資訊
- 128 交通資訊

Chương Hỗ trợ cuộc sống

- 89 Hỗ trợ cuộc sống và tài nguyên
- 103 Giáo dục và học tập ngôn ngữ
- 111 Thông tin kinh tế tiền tệ
- 129 Thông tin giao thông





生活輔導與資源

結婚不僅是兩人的結合，也是兩個家族的交結，甚至更是兩種文化的相互適應。婚姻生活過程需要瞭解彼此，尤其跨文化的相互包容、尊重更是不易，如何智慧地化解相處問題，也就成了維繫婚姻的重要關鍵。



家庭經營

家庭價值

想要擁有幸福婚姻，就需要了解彼此的價值觀，並養成良好溝通方式、妥善財務管理、適當家務分工等習慣，家人間也應彼此體貼、尊重各自原生國（地）特殊的社會文化與生活模式。

飄洋過海來臺的新住民，除需學習用心經營婚姻生活外，雙方更需要多加溝通，以適應全新的居住環境；而在兩人關係之中，「語言」是決定能否溝通的重要因素，也是維繫異國婚姻的關鍵－在溝通時，要掌握「耐心聽、慢慢說、適時暫停」之原則，有時候站在對方立場想一想，或許兩個人就能找到共同解決的方法。



Hỗ trợ cuộc sống và tài nguyên

Kết hôn không chỉ là sự kết hợp của hai người, mà còn là sự hòa nhập của hai gia đình, thậm chí là sự thích nghi của hai nền văn hóa. Trong cuộc sống hôn nhân, đôi bên cần phải hiểu nhau, đặc biệt là sự hiểu nhau giữa các nền văn hóa mang yếu tố nước ngoài, tôn trọng lẫn nhau càng khó hơn, làm thế nào để hòa giải vấn đề một cách thông minh, cũng đã trở thành một then chốt quan trọng để duy trì hôn nhân.

Xây dựng gia đình

Giá trị gia đình

Muốn có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, đôi bên cần phải hiểu nhau về giá trị cuộc sống, phương pháp giao tiếp hoặc trò chuyện lành mạnh, quản lý tài chính hợp lý, phân chia nhiệm vụ làm công việc nhà v.v, đối xử chu đáo với các thành viên trong gia đình, tôn trọng văn hóa xã hội và cách sống đặt biệt ở nơi chôn nhau cắt rốn của đôi bên.

Cư dân mới vượt sông ngàn sâu đến Đài Loan, ngoài việc học cách vun đắp cuộc sống hôn nhân ra, cả hai bên cần phải giao tiếp trò chuyện nhiều hơn, để thích nghi với môi trường sống mới, trong mối quan hệ giữa hai người, “ngôn ngữ” là yếu tố quan trọng để quyết định có nên giao tiếp trò chuyện hay không, đó cũng là then chốt quan trọng nhất để duy trì cuộc hôn nhân mang yếu tố nước ngoài, cuộc giao tiếp trò chuyện lành mạnh, chúng ta phải nắm rõ nguyên tắc “kiên nhẫn, nói từ từ, dừng lại kịp lúc”, đôi lúc đứng ở phía của người ấy mà suy nghĩ, có lẽ hai người sẽ tìm ra cách giải quyết.



► 新住民分享

1. 馮燕妮女士：態度贏得自我成長及貴人的提拔

我是馮燕妮，來自印尼。在民國 97 年 7 月第一次到臺灣旅遊，當時就認識了我先生，同年年底，我再度來到臺灣於國立成功大學語言中心學習華語。旅遊和學習中文是完全不同的心態，從一點一滴的課堂精進，到勇敢找臺灣人練習溝通，是個充滿挑戰的過程。而我也從這個經驗感受到「學習解決問題」帶來的成就感，因為「自我成長」是令人感到快樂的行為。

我和當時的男朋友，也就是現在的先生，透過互相鼓勵、彼此自我成長，而感情升溫。每當我遇到難題他總是陪我討論各種解決的辦法，也更堅定我們的感情。我的公婆一路看著我們的努力與成長而感到放心，我的公公常常跟別人介紹「我媳婦是印尼人，她很認真參與政府辦理的各種學習活動，讓自己更快適應在臺灣的生活」。因此，我由衷相信「態度會贏得貴人的提拔」，我目前已成為新住民語文課程的母語師資指導老師，也是新住民發展基金會的委員，正在就讀博士班。期許我可以為更多人付出，「從手心向上變成手心向下」，運用自我成長的經驗協助他人。



► Chia sẻ của cư dân mới:

1. Cô Phùng Yến Ni : Thái độ có thể chiến thắng sự phát triển của bản thân và được quý nhân cất nhắc

Tôi là Phùng Yến Ni, đến từ Indonesia. Tháng 7 năm 2008, tôi gặp chồng tôi khi lần đầu tiên đi du lịch Đài Loan, cuối năm 2008 tôi đến Đài Loan lần nữa để học tiếng Trung tại Trung tâm ngôn ngữ trường đại học quốc gia Thành Công. Du lịch và học tập tiếng Trung tâm lý tôi hoàn toàn khác nhau, từ trong lớp học tôi mỗi chút mỗi tí tiến bộ đến mạnh dạn tìm kiếm người Đài Loan để luyện tập giao tiếp là một quá trình đầy thách thức. Từ kinh nghiệm này, tôi cảm nhận được sau khi “học tập và giải quyết vấn đề” cảm giác mang đến nhiều thành tựu, bởi vì “tự trưởng thành” là hành vi cho người ta cảm nhận được vui vẻ.

Tôi và bạn trai tôi lúc đó, cũng là ông xã tôi hiện nay, chúng tôi vun vén tình cảm bởi sự khuyến khích, sự phát triển và trưởng thành lẫn nhau của hai người. Bất cứ khi nào tôi gặp phải vấn đề khó khăn, anh ấy luôn ở bên tôi để thảo luận các biện pháp giải quyết, tình cảm của chúng tôi dành cho nhau càng sâu nặng hơn. Bố mẹ chồng của tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy những nỗ lực và sự phát triển của chúng tôi trên mọi phương diện. Bố chồng tôi thường nói với người khác rằng “con dâu tôi là người Indonesia, cô ấy rất nghiêm túc trong học tập, tham gia các hoạt động khác nhau do chính phủ tổ chức, để thích nghi với cuộc sống ở Đài Loan”. “Thái độ có thể chiến thắng được quý nhân cất nhắc”, tôi hiện đang là một giáo viên hướng dẫn ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ, cũng là thành viên của Quỹ phát triển cư dân mới và đang theo học lớp tiến sĩ, tôi hy vọng tôi có thể giúp cho nhiều người hơn, “từ lòng bàn tay hướng lên trên trở thành lòng bàn tay hướng xuống phía dưới”, dùng kinh nghiệm tự phát triển của mình để hỗ trợ người khác.

2. 嚴沛滢女士：因文化理解而學習包容

23 年前，跨國姻緣使我第一次離開「有如母親一般的」越南的懷抱，只攜帶簡單行李一路來到臺北的家。剛到臺灣時，什麼都不習慣，氣候、食物、語言等都要克服，文化差距曾經讓我常常出糗。

想當年，我第一次回越南娘家，特地選了一雙繡花鞋要帶回臺灣送給婆婆。我開心地拿「鞋子」

出來，雙手遞給婆婆，本來婆婆不接受，但她沒有生我的氣，反而馬上從零錢包裡掏出「1 元」並告訴我：「在臺灣有這個習俗，不可以隨便送鞋子給別人，這當作買的」。原來，每個國家的風俗民情不同，在臺灣，送鞋子象徵叫人「走路」的意思。

我想，人生包括家庭及工作，都不可能十全十美，只要踏實地適應生活，就能看見幸福。我在臺灣曾經擔任廣播電臺的主持人，也是新住民母語教師及服務站的志工，這些幸福不可能憑空而來，需要努力經營創造。如果每位新住民準備前來臺灣，都有機會接觸入國前法令宣導及家庭教育或多元文化相關講座，那真的可以減少許多不必要的誤會，人際關係也就更能圓滿融和。



2. Cô Nghiêm Hoàng Oanh : Trong tập luyện bao dung để hiểu biết văn hóa

23 năm trước, lần đầu tiên tôi đi xa vòng tay của Việt Nam 「như một người mẹ」 do một cuộc duyên phận mang yếu tố nước ngoài, tôi chỉ mang theo hành lý đơn giản lên đường và tiến thẳng tới nhà ở Đài Bắc. Ban đầu mới đến Đài loan mọi thứ đều không quen, khí hậu, thức ăn, ngôn ngữ v.v phải bỏ thời gian khắc phục. Khoảng cách văn hóa thường làm tôi khó xử.

Nghĩ đến lần đầu tiên tôi về nhà mẹ “Việt Nam”, tôi chọn một đôi giày trên có thêu bông hoa mang về tặng cho mẹ chồng. Tôi rất vui khi lấy “giày” ra, hai tay dâng lên tặng cho bà. Ban đầu mẹ chồng tôi không nhận, nhưng bà không có giận dữ. Thay vào đó, bà lập tức từ trong ví tiền lấy ra “1 đồng” và nói với tôi: “có những tập tục ở Đài Loan, không được tùy tiện tặng giày cho người khác, đôi này coi như là mẹ tự mua”. Hóa ra, phong tục tập quán ở mỗi nước mỗi khác, tặng giày tượng trưng cho ý nghĩa của sự “ra đi”.

Tôi nghĩ, cuộc sống bao gồm gia đình và công việc, không thể nào đều hoàn hảo cả, chỉ cần bạn thích nghi với cuộc sống, bạn sẽ nhìn thấy hạnh phúc, tôi từng là người dẫn chương trình của một đài phát thanh ở Đài Loan, cũng là tình nguyện viên ở quầy dịch vụ và còn là giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ của cư dân mới, hạnh phúc không phải ngồi chờ trời rơi xuống, mà cần phải nỗ lực vun vén tạo ra. Nếu những cư dân mới chuẩn bị đến Đài Loan, nhận được cơ hội vào nghe những buổi giảng thuyết như liên quan về đề tài giáo dục gia đình, văn hóa đa dạng và hướng dẫn quy định luật pháp trước khi nhập cảnh, nếu được như vậy, có thể giảm đi nhiều hiểu lầm không cần thiết, mối quan hệ giữa con người sẽ được vừa lòng và hoàn hảo hơn.



親職教養

從結婚、懷孕、新生兒的誕生、兒童及青少年的照護等，都是擁有婚姻關係的兩人，在養育子女方面必須學習的功課。彼此應先討論有孩子後的生活規劃，包括金錢、時間、教養和資源等運用，提供良好環境，有助子女日後健全的身心發展。

► 教養子女方法

教養孩子時最重要的教養態度包括：

1. 照顧與教養子女是兩個人的事，因此，「共親職」是教養的第一步，雙方須達成共識了解「在教養的路上，你跟我一樣重要」。
2. 父母教養態度及標準要一致，會用言語或行動支持另一半的教養態度及行為，並且要以身作則。
3. 願意與另一半一起討論教養方式及策略，正視教養上的衝突，並願意透過討論找到教養的解決策略。
4. 教養的過程難免遭遇挫折或不知所措，父母要多參加各級學校或家庭教育推展單位所舉辦的親職教育活動，抑或運用親職教育網站，不斷增進教養子女的知能。

Nuôi dạy con

Từ hai người kết hôn, mang thai, bé sơ sinh chào đời, chăm sóc trẻ con đến con trở thành người lớn v.v, trong mối quan hệ hôn nhân của hai người họ có môn học cần thiết là học tập để nuôi dạy con cái. Trước tiên hai người phải bàn bạc và kế hoạch cuộc sống sau khi có con, bao gồm tận dụng tiền bạc, thời gian, sức khỏe và tài nguyên v.v, cung cấp một môi trường lành mạnh để giúp trẻ phát triển thể chất và trí tuệ trong tương lai.

► Cách nuôi dạy con cái

Khi nuôi dạy con cái thái độ nuôi dạy con quan trọng nhất bao gồm:

1. Chăm sóc và nuôi dạy con là việc của cả hai, vì vậy “cùng nhau làm cha làm mẹ” là bước đầu tiên trong việc nuôi dạy con cái, cả hai người cần phải có được sự đồng tình “trên con đường nuôi dạy con cái, cha và mẹ đều quan trọng như nhau”.
2. Thái độ và tiêu chuẩn nuôi dạy con cái cần phải thống nhất, ủng hộ bằng lời nói và hành vi khi vợ (chồng) có hành vi và thái độ đang nuôi dạy con, và phải làm gương dẫn dắt con cái.
3. Sẵn sàng bàn với vợ (chồng) chiến lược và phương cách nuôi dạy con cái, đối mặt với xung đột trong việc nuôi dạy con cái, sẵn sàng thảo luận ra cách giải quyết vấn đề và chính sách trong việc nuôi dạy con.
4. Quá trình nuôi dạy con sẽ nản lòng và không biết làm thế nào, phụ huynh nên tham gia vào các hoạt động giáo dục nuôi dạy con cái được tổ chức bởi nhà trường hoặc các đơn vị tổ chức xúc tiến giáo dục gia đình ở khắp nơi, hoặc lên trang web giáo dục nuôi dạy con cái, không ngừng nâng cao kiến thức giáo dục nuôi dạy con cái.



親子共學

「教育」是臺灣培育優秀人才最重要的管道，孩童約在 6 歲時進入國民小學、12 歲時進入國民中學學習，這個階段屬於「義務教育」，由國家負擔學費，提供學童最好的教育資源。後期中等教育分為高級中學和高級職業學校，而大專階段的教育亦非常普遍，目前臺灣共有一百多所大專院校，為臺灣培育各類優秀人才。

從孩子進入學校學習開始，父母就必須和學校及老師保持緊密的聯繫，我們稱為「親師互動」。因為孩子的可塑性很強，學校教育對於孩子的影響很大，因此良好密切的「親師互動」可以幫助孩子順利的適應學校生活。

新住民在家可以用家鄉的語言講故事書、繪本，或是教唱家鄉的兒歌及民謠給子女聽，並教導小孩家鄉話，使其認識父母原屬國家的文化，以拉近親子之間的距離，更可擴展孩子的國際視野。

在各縣市，新住民可以帶孩子到居住地設置的圖書館總館及各分館，利用公有資源與孩子共學，這些地方不僅有許多實用的良書，還有視聽資料、電子書等，多可免費提供外借。



Học tập giữa cha mẹ và con cái

“Giáo dục” là tuyến đường quan trọng để vun trồng và nuôi dưỡng ra nhân tài ở Đài Loan, trẻ em ở độ tuổi 6 tuổi vào trường tiểu học quốc gia nhập học, ở độ tuổi 12 tuổi vào trường trung học cơ sở quốc gia học tập, giai đoạn này thuộc giai đoạn “Giáo dục bắt buộc”, do nhà nước phụ trách đóng học phí, và cung cấp các tài nguyên giáo dục tốt nhất cho trẻ con đến trường. Thời kỳ sau của giáo dục trung học, được chia ra thành trường trung học phổ thông và trường dạy nghề nâng cao. Giáo dục ở cấp chuyên ngành và đại học cũng rất phổ biến, hiện nay, có hơn 100 trường cao đẳng và đại học tại Đài Loan, vun trồng và nuôi dưỡng các nhân tài có tài năng xuất chúng cho Đài Loan.

Từ lúc con bạn bắt đầu đến trường học tập, phụ huynh phải duy trì liên lạc chặt chẽ với nhà trường và giáo viên, chúng tôi gọi là “tương tác phụ huynh với giáo viên”, vì trẻ dễ bị sự giáo dục uốn nắn, giáo dục của nhà trường có tác động lớn đối với trẻ em, có thể giúp trẻ thích nghi với cuộc sống trường học dễ dàng hơn.

Cư dân mới có thể dùng tiếng quê nhà của họ để kể chuyện cổ tích, chuyện tranh, hoặc dạy con mình hát những bài hát thiếu nhi và ca giao dân gian cho con em của họ, dạy con em nói tiếng mẹ đẻ, và cho trẻ biết văn hóa đất nước nguồn gốc của cha mẹ chúng, thúc đẩy mối quan hệ cha mẹ và con cái có thể gần gũi hơn, và mở rộng tầm nhìn quốc tế cho con bạn.

Ở các huyện và thành phố, bạn có thể đưa con bạn đến thư viện chính của khu bạn cư trú hoặc các chi nhánh gần đó, sử dụng tài nguyên công cộng để học tập với con em, những nơi này không chỉ có nhiều sách hữu ích, ngoài ra còn có các tài liệu nghe và hình ảnh, sách điện tử v.v, tất cả đều được cung cấp miễn phí và được mượn mang về.

► 全國家庭教育諮詢專線

為提供民衆家庭教育諮詢與服務，臺灣設有 412-8185（手機加 02）家庭教育諮詢專線，由各縣（市）家庭教育中心接聽，就夫妻相處、子女教養、親子溝通等家庭事項提供諮詢與支持（註 9）。

專線服務時間說明如下：

1. 週一至週五：上午 9:00 ~ 12:00，下午 2:00 ~ 5:00，晚間 6:00 ~ 9:00。
2. 週六：上午 9:00 ~ 12:00，下午 2:00 ~ 5:00。
3. 國定假日未提供服務。
 - 各直轄市、縣（市）政府教育局（處）家庭教育中心通訊資料（附表二）



► Đường dây tư vấn giáo dục gia đình cả nước

Để cung cấp dịch vụ và tư vấn giáo dục gia đình cho người dân, 4128185 (di động thêm 02) đường dây tư vấn giáo dục gia đình, đầu dây bởi trung tâm giáo dục gia đình huyện và thành phố, tư vấn và hỗ trợ các vấn đề gia đình như vợ chồng, nuôi dạy con cái, giao tiếp và trò chuyện giữa cha mẹ và con cái v.v (ghi chú 9).

Thời gian phục vụ của đường dây như sau:

1. Thứ hai đến thứ sáu : sáng 9:00~12:00, chiều 14:00~17:00, tối 18:00~21:00.
2. Thứ bảy : sáng 9:00~12:00, chiều 14:00~17:00.
3. Không có dịch vụ vào ngày lễ quốc gia.
 - Tài liệu và thông tin của trung tâm giáo dục gia đình thuộc cục (văn phòng) giáo dục chánh quyền quận, huyện và thành phố (Phụ lục 2).





新住民家庭服務中心及相關機構團體

▶ 新住民家庭服務中心服務內容

1. 服務對象：新住民及其家庭。
2. 服務項目：個案管理、個人支持服務、家庭支持服務、社會支持服務。
3. 全國各地之新住民家庭服務中心（附表三）及新住民培力發展資訊網（註 10）。

▶ 新住民學習中心

教育部因應新住民人口增加之趨勢，在各地設置了「新住民學習中心」，結合學校與社區特色，提供新住民及其家庭於社區內參與多元文化學習活動之機會，共規劃語文學習、人文鄉土、家庭教育、法令常識、多元培力及政策宣導等六大類型課程（附表四）。

新住民發展基金簡介

為持續落實照顧新住民，行政院在內政部設置了「新住民發展基金」，補助辦理「新住民社會安全網絡服務計畫」、「新住民家庭學習成長及子女托育、多元文化推廣及相關宣導計畫」、「家庭服務中心計畫」及「新住民創新服務、人才培力及活化產業社區計畫」（註 10 及註 11）。

Trung tâm dịch vụ gia đình cư dân mới và các tổ chức có liên quan

▶ Nội dung dịch vụ trung tâm dịch vụ gia đình cư dân mới

1. Đối tượng dịch vụ : chủ yếu là cư dân mới và gia đình của họ.
2. Mục đích vụ : quản lý vụ án riêng, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cá nhân, cung cấp dịch vụ hỗ trợ gia đình, cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội.
3. Trung tâm dịch vụ gia đình cư dân mới trên cả nước (Phụ lục 3) Mạng thông tin phát triển cư dân mới (ghi chú 10).

▶ Trung tâm học tập cư dân mới

Bộ giáo dục hướng ứng xu hướng số lượng gia tăng của cư dân mới, “Trung tâm học tập cư dân mới” đã được thành lập ở nhiều nơi, kết hợp đặc điểm của trường học và khu cộng đồng, tạo cơ hội cho cư dân mới và gia đình họ tham gia vào các hoạt động học tập văn hóa đa dạng trong khu cộng đồng, trung tâm học tập cư dân mới có kế hoạch sáu loại khóa học chính như học ngôn ngữ, văn hóa và con người, giáo dục gia đình, kiến thức về luật pháp, đào tạo đa ngành và hướng dẫn về chính sách vv (Phụ lục 4).

Tóm tắt về Quỹ phát triển cư dân mới

Để tiếp tục thực hiện việc chăm sóc cư dân mới, nhân viên điều hành đã thành lập “Quỹ phát triển cư dân mới” trong Bộ nội vụ, trợ cấp cho “kế hoạch dịch vụ trang web an toàn xã hội cư dân mới”, “gửi con cho người ta nuôi dạy và học tập trưởng thành gia đình cư dân mới, xúc tiến văn hóa đa dạng và hướng dẫn về kế hoạch có liên quan”, “dịch vụ gây dựng cư dân mới” và “kế hoạch linh động công nghiệp khu cộng đồng và vun bón nhân tài” (ghi chú 10 và ghi chú 11).



教育及語文學習

「語言隔閡」為新住民剛到臺灣時面臨的最大挑戰，必須透過學習，才能夠讓自己認識新的環境、適應不同的風土民情。各縣市政府、學校、新住民學習中心、民間團體都有提供多元的進修管道，藉由豐富的課程內容以及教師、同鄉間的彼此交流，讓新住民更快適應臺灣生活（同註 10）。

► 語文學習：國中、小學提供之免費義務教育

為了推動終身學習、提高全民教育程度，政府設置了國中及國小的補校，提供失學者及新住民學習中文的機會。補校課程內容相當多元，包含中文識字、電腦、數學、自然、音樂、美術等，畢業後即可取得本國教育學歷畢業證書。各縣市補校聯絡資訊可至政府資料開放平臺，查詢國中小補校名錄或向各縣市政府教育局（處）洽詢。

1. 國小補校：無入學資格限制，惟須年滿 12 歲，由學校予以編級測驗或憑成人基本教育班結業證書等證明文件入學。
2. 國中補校：入學須年滿 15 歲，並具有國民小學畢業、或經自學進修學力鑑定考試及格或具有同等學力資格者。



Giáo dục và học tập ngôn ngữ

Rào cản ngôn ngữ là thử thách lớn nhất đối với cư dân mới đến Đài Loan, do học tập có thể cho mình quen biết môi trường mới, và thích nghi với các phong tục tập quán khác nhau, các chính quyền huyện và thành phố, trường học, trung tâm học tập cư dân mới, tổ chức của dân gian xã hội đều có cung cấp những đường giây nâng cao đa dạng, trong quá trình giảng dạy gồm nội dung học tập phong phú, có giáo viên và các anh chị em cùng quê được tương tác và trao đổi với nhau, có thể thích nghi cuộc sống ở Đài Loan nhanh hơn (ghi chú 10).

► Học ngôn ngữ: “Giáo dục bắt buộc” miễn phí cung cấp được học từ tiểu học đến trung học cơ sở

Vi muốn thúc đẩy học tập suốt đời, và nâng cao trình độ học vấn của toàn dân, chính phủ đã thành lập các lớp học bổ túc trong trường trung học cơ sở, trường tiểu học, tạo cơ hội cho cư dân mới và những người Đài không được ăn học từ nhỏ, chương trình giảng dạy của trường bổ túc khá đa dạng, bao gồm học môn tiếng trung, vi tính, môn toán, môn tự nhiên, môn âm nhạc, môn mỹ thuật v.v, sau khi tốt nghiệp, bạn có thể nhận được bằng giáo dục tốt nghiệp quốc gia. Thông tin liên lạc các trường bổ túc của huyện và thành phố có thể lên trang web công khai tư liệu của chính phủ, tìm kiếm danh sách các trường tiểu học và trung học cơ sở hoặc đến quầy hỏi thông tin của cục giáo dục chính phủ huyện và thành phố.

1. Trường bổ túc tiểu học : không giới hạn nhập học, đủ 12 tuổi, do nhà trường xếp theo cấp độ kiểm tra hoặc theo chứng chỉ hoàn thành lớp giáo dục cơ bản dành cho người lớn v.v, tài liệu nhập học .
2. Trường bổ túc trung học cơ sở : đủ 15 tuổi, phải có chứng chỉ tốt nghiệp tiểu học quốc gia, hoặc đã học lớp tự học và qua kỳ thi kiểm tra trình độ đã đạt trình độ tương đương.



學歷認證與鑑定

學歷認證

即日起，若新住民及其子女以國外學歷申請就讀臺灣國民中、小學，經學校要求辦理驗證時，可持國外畢業證書與成績單，至臺灣居住地之地方政府辦理認證手續。

注意事項：

- ◎ 本服務目前提供大陸地區以外新住民及其子女就學用途之國外國民中、小學學歷採認。
 - ◎ 已通過駐外館處驗證之學歷文件，可逕洽鄰近學校申請就讀。
 - ◎ 詳細辦法請聯繫居住所在地之地方政府。
- 自學進修學力鑑定考試

為提供失學國民及新住民取得國民中、小學同等學力，各縣市政府辦理「自學進修國民中、小學畢業程度學力鑑定考試」，約於每年3月舉行，報名則在1月底或2月初左右。考試通過者發給同等學力鑑定考試通過證書，部分科目及格者發給科目及格證明書。相關資訊請至新住民培力發展資訊網「自學進修學力鑑定考試」查詢或洽戶籍所在地之縣市政府教育局（處）社會教育科（同註10）。

學歷認證

Chứng nhận trình độ học vấn



Chứng nhận và giám định trình độ học vấn

Chứng nhận trình độ học vấn

Từ nay, nếu cư dân mới và con cái của mình nộp học bạ hoặc giấy chứng nhận trình độ học vấn nước ngoài để đăng ký nhập học các trường tiểu học và trung học quốc gia Đài Loan, theo sự yêu cầu của nhà trường làm xác nhận, có thể mang bằng cấp và học bạ nước ngoài, đến chính quyền địa phương Đài Loan làm thủ tục chứng nhận.

Điều cần lưu ý:

- ◎ Dịch vụ này hiện cung cấp cho cộng đồng nước ngoài, cư dân mới và con cái của họ dùng khi chứng nhận xin nhập học tiểu học và trung học, ngoại trừ Đại Lục.
 - ◎ Trình độ học vấn đã được xác nhận bởi văn phòng đại diện tại nước ngoài, có thể nộp đơn xin học vào các trường gần đó.
 - ◎ Để biết chi tiết, xin vui lòng liên hệ với chính quyền địa phương nơi bạn sống, .
- Kỳ thi và giám định trình độ tự học nâng cao

Để cung cấp cho những người thất học và cư dân mới lấy được trình độ học vấn tương đương trình độ tiểu học và trung học quốc gia, các huyện và thành phố chính quyền tổ chức kỳ thi và giám định trình độ tự học nâng cao tương đương trình độ tiểu học và trung học, tổ chức vào khoảng tháng 3 mỗi năm, đăng ký khoảng cuối tháng 1 hoặc đầu tháng 2. Những người vượt qua kỳ thi sẽ được cấp giấy chứng nhận trình độ học vấn tương đương, đã thi đỗ được một số môn, thì cấp giấy chứng nhận đạt được số điểm của môn đó. Các thông tin liên quan, vui lòng tham khảo trang web "Kỳ thi và giám định trình độ tự học nâng cao" hoặc liên hệ với phòng hộ tịch nơi bạn cư trú Cục giáo dục chính quyền huyện và thành phố của Sở giáo dục xã hội (ghi chú 10).



終身學習資源

活到老學到老，學習是不分年齡、國籍的，透過各種多元進修管道，除了提升教育程度外，更能夠讓初來乍到的新住民盡早認識不同的文化差異並且順利適應臺灣生活。

以下提供新住民多元學習的管道供參考：

▶ 成人基本教育研習班

為培養失學國民和新住民具備聽、說、讀、寫、算的中文能力及增進語文溝通能力，各縣市辦理成人基本教育班，並依學習程度分成初、中、高級班。

1. 課程內容：包含教導注音符號及識字（每年約 3 至 9 月陸續開課），修滿 72 小時頒以結業證書。



新住民生活適應輔導班

Khóa học hướng dẫn thích ứng cuộc sống cư dân mới

Tài nguyên học tập suốt đời

Sống đến già học tập đến già, học tập bất kể tuổi tác hay quốc tịch, dựa vào các đường dây nâng cao đa dạng, ngoài việc nâng cao trình độ giáo dục, cũng có thể giúp những cư dân mới đến Đài Loan sớm được làm quen với các văn hóa khác nhau và thích nghi cuộc sống.

Sau đây là tài liệu tham khảo về học tập đa dạng cung cấp cho cư dân mới：

▶ Lớp bồi dưỡng giáo dục cơ bản cho người lớn

Để bồi dưỡng cho những người thất học và cư dân mới về tiếng trung có khả năng nghe, nói, đọc và viết, tăng cường khả năng giao tiếp của ngôn ngữ, các huyện và thành phố tổ chức lớp học giáo dục cơ bản cho người lớn, được chia thành các lớp sơ cấp, trung cấp, nâng cao.

1. Nội dung khóa học : bao gồm dạy về phiên âm và dạy chữ (khai giảng khoảng tháng 3 đến tháng 9 mỗi năm), được cấp giấy chứng nhận khi hoàn thành 72 tiếng học.



西點烘焙課程

Khóa học làm bánh nướng Tây

2. 辦理單位：相關開課資訊請洽各縣市政府教育局（處）。
3. 招生對象：年滿 15 歲以上，不識中文或未具國民小學畢業程度之國民、新住民與大陸配偶。
4. 授課教材：由教育部編輯的「成人基本識字教材」第一冊至第六冊，及其中印、中越、中泰、中柬及中菲（英）雙語對照版，提供各成人基本教育研習班選擇上課使用，方便無法就讀成人基本教育研習班之民衆下載自學使用。詳情請至新住民培力發展資訊網「成人基本識字教材」查詢（同註 10）。

以下提供新住民多元學習的管道供參考：

► 新住民生活適應輔導班

為幫忙新住民更快融入生活環境，移民署補助各縣市政府開辦相關課程內容，歡迎新住民多加參與。

1. 課程包括：語言學習、居留與定居、生活適應、地方民俗風情、就業、衛生、教育、子女教養、基本權益、人身安全。
2. 辦理單位：各縣市民政局（處）或各縣市社會局（處）。
3. 參加條件：和國人辦妥結婚登記的新住民都可免費參加。



2. Đơn vị tổ chức : những thông tin có liên quan về khai giảng khóa học vui lòng liên hệ cục giáo dục chính quyền huyện và thành phố.
3. Đối tượng tuyển sinh : trên 15 tuổi, công dân cư dân mới và vợ /chồng người Đại Lục không biết tiếng Trung hoặc chưa có trình độ tốt nghiệp tiểu học.
4. Tài liệu giảng dạy : Do bộ giáo dục biên soạn “Tài liệu học chữ cơ bản cho người lớn” tập 1 đến tập 6 và có phiên bản song ngữ tiếng Trung và tiếng Indonesia, tiếng Trung và tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Thái Lan, tiếng Trung và tiếng Campuchia, tiếng Trung và tiếng Philippines (tiếng Anh), cung cấp các bồi dưỡng giáo dục cơ bản cho người lớn lựa chọn sử dụng trong học tập, tiện hơn cho những người không thể tham gia các lớp bồi dưỡng giáo dục cơ bản cho người lớn tải về tự học. Để biết chi tiết , vui lòng truy cập trang web 「Tài liệu học chữ cơ bản cho người lớn」 của thông tin phát triển đào tạo cư dân mới (ghi chú 10).

Sau đây là tài liệu tham khảo về học tập đa dạng cung cấp cho cư dân mới :

► Khóa học hướng dẫn thích ứng cuộc sống cư dân mới

Để cung cấp cho cư dân mới nhanh chóng hòa nhập vào môi trường sống, cục quản lý xuất nhập cảnh trợ cấp các khóa học có liên quan được tổ chức ở các huyện và thành phố, chào đón cư dân mới tham gia.

1. Nội dung khóa học : học tập ngôn ngữ, cư trú và định cư, thích nghi môi trường sống, phong tục tập tục địa phương, tìm việc làm, y tế, giáo dục, nuôi dạy con cái, quyền và lợi ích cơ bản, an toàn cá nhân.
2. Đơn vị tổ chức : Phòng dân sự huyện và thành phố hoặc Cục xã hội huyện và thành phố.
3. Điều kiện tham gia : cư dân mới đã đăng ký kết hôn với người bản địa được tham gia miễn phí.



金融資訊

Thông tin kinh tế tiền tệ

身邊有錢想要存起來，可以選擇銀行或郵局。一般的存簿儲金，機構普遍、全省通儲、存提方便，還可以申領金融IC卡，可在各地自動櫃員機提款、轉帳。

如何開戶：銀行／郵局

為了方便薪資所得和公司營收的管理，各營業機構普遍都透過「銀行或郵局帳戶」來發放薪資，因此民眾必須在銀行或郵局開立自己的帳戶，以進行薪資轉帳。

新住民到臺灣以後，可以到銀行或郵局開立一個自己的帳戶，建議存簿應該跟印章分開放置，密碼盡量避免設為個人生日或身分證號碼，並應只有自己知道，以免遭人盜領。



銀行 Ngân Hàng

Nếu có tiền mặt bên mình muốn gửi tiền, có thể chọn gửi ở ngân hàng hoặc gửi ở bưu điện. Sổ gửi tiền tiết kiệm, cơ quan ngân hàng phổ biến nhiều nơi, thời gian làm việc dài, gửi rút tiền tiện lợi, có thể làm thẻ IC (thẻ rút tiền), rút tiền, chuyển khoản tại các chốt ATM trong cả nước.

Làm sao mở tài khoản ngân hàng / bưu điện

Để tiện việc quản lý thuế tiền lương và doanh thu của doanh nghiệp, các cơ quan doanh nghiệp thường chuyển phát lương bằng “tài khoản ngân hàng hoặc bưu điện”, thế nên người dân phải tự làm tài khoản thẻ ngân hàng hoặc bưu điện, để tiến hành chuyển khoản tiền lương.

Sau khi Cư dân mới đến Đài Loan, có thể tự làm tài khoản thẻ ngân hàng hoặc bưu điện cho chính mình, sổ tiết kiệm và con dấu nên để riêng, mật mã không nên lấy ngày tháng năm sinh hoặc mã số thẻ cư trú của mình, và chỉ bản thân mình mới biết mật mã đó, để tránh việc bị người khác lấy trộm.



金融機構開戶所需證件和辦理手續如下：

銀行

1. 攜帶文件：

(1) 雙重身分證明文件。

- A. 持國民身分證或居留證者，應提供其他具辨識力之身分證明文件（如健保卡、護照、駕照、學生證等）。
- B. 未持有居留證之外國自然人及無戶籍國民，應提供合法入境簽證（或戳記）之（外國）護照，或僑務委員會核發之華僑身分證明書，及中華民國統一證號基本資料表。

(2) 印章。

(3) 開戶金額。

2. 手續：

申請銀行開戶時，可直接向服務臺詢問，同時出示相關證件，服務人員會協助完成開戶手續。

3. 各金融銀行機構開戶相關規定依各金融銀行機構規定辦理。



Thủ tục và các giấy tờ cần chuẩn bị khi đi mở tài khoản ngân hàng như sau:

Ngân Hàng

1. Giấy tờ cần đem:

(1) Giấy tờ đòi chứng minh cá nhân

- A. Người có thẻ cư trú hoặc thẻ chứng minh nhân dân, nên trình thêm những giấy tờ chứng minh cá nhân khác (như thẻ bảo hiểm y tế, hộ chiếu, giấy phép lái xe, thẻ học sinh v.v).
- B. Người nước ngoài không có thẻ cư trú và người dân không có hộ tịch, cần phải cung cấp hộ chiếu (nước ngoài) có visa nhập cảnh hợp pháp, hoặc Giấy chứng nhận Hoa kiều được cấp bởi Hội Ủy viên Kiều vụ, cùng bản thông tin cơ bản về số đăng ký Trung Hoa Dân Quốc.

(2) Con dấu

(3) Tiền mở tài khoản

2. Thủ Tục:

Khi mở tài khoản ngân hàng, trực tiếp đến quầy phục vụ tư vấn, đưa trình những giấy tờ liên quan, nhân viên sẽ hỗ trợ bạn hoàn thành thủ tục mở tài khoản.

3. Các cơ quan ngân hàng khác nhau sẽ có những quy định mở tài khoản khác nhau.

銀行開戶流程圖 Sơ đồ mở tài khoản ngân hàng



郵局

1. 攜帶文件：

- (1) 「護照」及「中華民國統一證號基本資料表」，或「居留證」及第二身分證件（如健保卡、戶口名簿、戶籍謄本、護照等）。
- (2) 印章。
- (3) 開戶金額（新臺幣 10 元以上）。
- (4) 本人親自辦理。

2. 申辦手續：填寫「郵政存簿儲金立帳申請書」、「CRS 稅務居住者身分自我證明表格」（如具外國稅籍編號者，請先確認及備妥）、開戶約定書及存款單，連同上述憑辦證件，至任一郵局辦理。

3. 注意事項：未具中、英文溝通能力者，得由第三人偕同辦理，該第三人應提示國民身分證，並留存影本。

金融卡辦理及使用須知

領取、啟用及作廢方式

存款人如領取金融卡、密碼函及辦理啟用登錄手續者，應親持身分證明文件及原留印鑑至（原）存款行或依雙方約定方式辦理。



Bưu Điện

1. Giấy tờ cần đem:

- (1) "Hộ chiếu" và "bản thông tin cơ bản về số đăng ký Trung Hoa Dân Quốc", hoặc "Thẻ cư trú" và giấy tờ chứng nhận cá nhân (như thẻ bảo hiểm y tế, sổ hộ khẩu, bản sao hộ tịch, hộ chiếu v.v).
- (2) Con dấu.
- (3) Tiền mở tài khoản (trên 10 đồng Đài tệ).
- (4) Đích thân đi làm.

2. Thủ tục: nộp đơn 「Đơn xin mở tài khoản và sổ tiết kiệm bưu chính」、 「Mẫu tự chứng nhận cư trú thuế CRS」 (nếu bạn có số đăng ký thuế nước ngoài, vui lòng xác nhận và chuẩn bị) 、 giấy cam kết mở tài khoản và đơn gửi tiết kiệm, cùng các giấy tờ đều trên, đến bất kỳ bưu điện để làm.

3. Điều cần chú ý: người không có khả năng dùng tiếng Trung, tiếng Anh để giao tiếp, cần người thứ ba đi cùng để làm các thủ tục, người thứ ba phải trình thẻ chứng minh, và một bản photo thẻ chứng minh để lưu trữ.

Những điều cần biết khi làm và sử dụng thẻ ngân hàng

Cách lấy thẻ, dùng thẻ và báo phế thẻ

Nếu người gửi tiền nhận lấy thẻ ngân hàng, thư mật khẩu và các thủ tục để cho phép đăng nhập, bạn nên mang giấy tờ nhận dạng và con dấu gốc, cho hãng ngân hàng gửi tiền hoặc làm theo phương thức hai bên đã thoả thuận.

▶ 提款及轉帳金額之限制

使用金融卡提款及轉帳金額之限制，依存款行之規定辦理。

▶ 金融卡遺失或被竊盜

存款人應妥善保管金融卡，如有遺失或被竊盜等情形時，應即依約定方式向存款行辦理掛失手續，並記得向警察局報案查詢。

信用卡申請

▶ 申請信用卡

申請人之年齡須年滿 20 歲（未超過 70 歲），為完全行為能力人且具有獨立穩定之經濟來源與充分之還款能力。申請時須檢附護照、居留證文件及所得或財力等可證明還款能力之相關資料，例如：報稅資料、扣繳憑單、近二個月薪資單、近二個月薪資轉帳（含內頁及封面）等影本。另，銀行將視狀況要求申請人提供財力或其他證明文件或提供保證人，並保留最後核准與否之權利（註 12）。



▶ Hạn mức rút tiền và chuyển khoản

Tùy theo quy định của từng ngân hàng sẽ có hạn mức rút tiền và chuyển khoản khác nhau.

▶ Thẻ ngân hàng bị mất hoặc bị đánh cắp

Người gửi tiền cần giữ gìn thẻ ngân hàng cẩn thận, nếu bị mất hoặc bị đánh cắp cần đến ngân hàng để làm thủ tục báo mất, đồng thời báo cảnh sát điều tra.

Làm thẻ tín dụng

▶ Làm thẻ tín dụng

Người làm thẻ tín dụng phải đủ 20 tuổi (không quá 70 tuổi), người có năng lực hành vi và có nguồn thu nhập kinh tế ổn định cũng như năng lực trả vay. Khi làm thẻ cần trình hộ chiếu và thẻ cư trú, thuế thu nhập hoặc chứng minh tài chính và những giấy tờ liên quan chứng minh khả năng trả vay, ví dụ: bảng photo giấy báo thuế, đơn nộp trừ thuế, phiếu lương hai tháng gần nhất, phiếu chuyển khoản hai tháng lương gần nhất (mặt trong và mặt ngoài). Ngân hàng có quyền xem xét tình hình tài chính, các loại giấy tờ hoặc người đứng ra bảo lãnh để quyết định cấp thẻ hay không (Ghi chú 12).

國際匯兌須知及洗錢防制法規範

外國人應攜帶護照或外僑居留證，至銀行辦理國際匯兌。各外匯指定銀行得依該銀行所揭示之收費標準酌收結購或結售外幣之手續費及郵電費。新住民如有匯款需要，應透過政府核可立案之外匯銀行或合格代辦外籍移工薪資結匯管道辦理，不要使用地下匯兌管道，否則會涉及洗錢防制法的刑事責任。

不論是有人提供免費之打工機會、並給付豐富酬勞，內容是到指定 ATM 提領現金；或是有人表示因貿易買賣，涉及大額款項收付，但因該國外匯管制限額，要求你在臺灣之銀行開外幣帳戶（或借用現成之銀行帳戶），以協助收受款項並依指示轉匯至他國指定帳戶，並給予一定比例之報酬作為答謝，以上這些都可能是詐騙手法，也會導致觸犯洗錢防制法第 14 條洗錢罪或第 15 條特殊洗錢罪之刑事責任。



Quy định về phòng chống rửa tiền và những điều cần biết về chuyển khoản quốc tế

Người nước ngoài đem hộ chiếu và thẻ cư trú đến ngân hàng để làm thủ tục chuyển khoản quốc tế. Các ngân hàng được chỉ định chuyển khoản quốc tế sẽ dựa theo mức quy định tiêu chuẩn để thu phí chuyển khoản và phí chuyển đổi ngoại tệ. Cư dân mới nếu có nhu cầu chuyển khoản, nên đến ngân hàng được Chính phủ cấp phép chuyển khoản nước ngoài hoặc nơi kết toán chuyển khoản lương cho công nhân nước ngoài hợp pháp, không nên chuyển tiền bất hợp pháp, vì sẽ có liên quan đến trách nhiệm hình sự Luật phòng chống rửa tiền.

Có người cho bạn cơ hội làm thêm miễn phí, đồng thời trả thù lao rất cao, yêu cầu bạn đến trạm ATM chỉ định để rút tiền, hoặc có người mượn cơ do làm ăn buôn bán thương mại, đang cần thu trả một khoản tiền lớn, nhưng do hạn chế về hạn mức ngân hàng nước ngoài, yêu cầu bạn làm thẻ ngân hàng tại Đài Loan, hoặc mượn dùng thẻ ngân hàng, để nhận chuyển khoản đồng thời chuyển đến tài khoản ngân hàng tại quốc gia khác, đồng thời hứa trả cho bạn một khoản tiền gọi là “tiền công”, “tiền báo đáp”, như trên theo điều 14 Luật phòng chống rửa tiền và điều 15 tội rửa tiền đặc biệt bạn có khả năng đã vi phạm trách nhiệm hình sự.



納稅：個人綜合所得稅的申報

▶ 個人綜合所得稅的申報

新住民在臺無住所且於一課稅年度內居留未滿 183 天者，其所得稅由扣繳義務人就源扣繳，免辦理結算申報；如有非屬扣繳範圍之所得，應依規定稅率申報納稅。如其一配偶屬中華民國境內居住之個人時，亦可選擇與配偶合併辦理結算申報。

新住民在臺有住所並經常居住，或無住所但於一課稅年度內居留滿 183 天者，均應辦理綜合所得稅結算申報，在結婚或離婚當年度，可選擇與配偶分開或合併申報；婚姻關係存續之其他年度，兩人都應該合併辦理綜合所得稅結算申報，並得自行選擇以配偶為納稅義務人。申報時直接在納稅義務人戶籍所在地（或居留地所轄）國稅局申報即可。

提醒您，只要在臺灣賺取所得，就需和我國國民一樣，負起納稅的義務。



Nộp thuế : Trình báo thuế thu nhập cá nhân

▶ Trình báo thuế thu nhập cá nhân

Cư dân mới không có nơi cư trú tại Đài Loan, cư trú trong năm không đủ 183 ngày, thuế thu nhập của người đó sẽ được khấu trừ trực tiếp, không cần trình báo thuế; nếu tiền thuế không thuộc phạm vi khấu trừ, cần nộp thuế theo tỉ lệ quy định. Nếu một trong hai vợ chồng có một người sống trong nước Trung Hoa Dân Quốc, có thể chọn kết hợp với vợ/chồng trình báo kết toán thuế chung.

Cư dân mới có địa chỉ cư trú và thường xuyên cư trú tại Đài Loan, hoặc không có nơi cư trú nhưng cư trú đủ 183 ngày trong năm, đều phải làm thủ tục trình báo kết toán thuế, kết hôn hoặc ly hôn trong năm, có thể chọn báo thuế chung hoặc riêng; trong những năm mà hôn nhân còn tồn tại, cả hai nên trình báo kết toán thuế chung, đồng thời tự chọn hôn phối làm người có nghĩa vụ báo thuế. Trực tiếp báo thuế tại Cục thuế nơi đăng ký hộ tịch (hoặc nơi cư trú) của người có nghĩa vụ nộp thuế.

Tại Đài Loan chỉ cần bạn làm việc có thu nhập đều cần phải thực thi nghĩa vụ nộp thuế như công dân Đài Loan.

1. 視在臺居留天數，分成結算申報與就源扣繳兩種課稅方式：

- (1) 居住者：新住民當年度居住已滿 183 天同國人報稅，如有國內居住者配偶，兩人雙方所得須合併申報。
- (2) 非居住者：新住民當年度居住未滿 183 天可選擇就源扣繳，免辦理申報；或與國內居住者配偶合併申報。
 - 申報期間：每年 5 月 1 日至 5 月 31 日。
 - 申報方式：可利用人工填寫、二維條碼或網際網路等三種方式辦理。

2. 擁有婚姻關係兩人當年度新婚、離婚或分居申報方式：

婚姻關係兩人所得計算稅額方式共有三種，分別為兩人所得全部合併申報、薪資分開計稅合併申報、全部所得分開計稅合併申報。

各申報單位的所得結構與可減免的項目和金額不同，需要經過試算後，決定採用何種計算方式。建議利用網路申報，系統將會自動以最有利方式計算應納稅額。

婚姻關係兩人各婚姻狀況報稅方式：

- (1) 正常婚姻關係：兩人應「合併」申報。
- (2) 當年度新婚、離婚：可以選擇「合併」或「分開」申報。

1. Xem xét số ngày cư trú tại Đài Loan, có hai hình thức khấu trừ thuế là báo kết toán theo tỉ lệ và khấu trừ trực tiếp:

- (1) Cư trú : Cư dân mới trong năm đó ở đủ 183 ngày thì báo thuế như người bản xứ, nếu có hôn phối ở cùng, thuế của cả hai cần phải trình báo chung.
- (2) Không cư trú : Cư dân mới trong năm đó ở chưa đủ 183 ngày có thể chọn cách khấu trừ thuế trực tiếp, miễn trình báo thuế; hoặc trình báo thuế chung với hôn phối đang sống trong nước.
 - Thời gian : ngày 01/05 đến ngày 31/05 mỗi năm.
 - Cách thức : có 3 cách như sau điền đơn viết tay, quét QR code, điền thông tin trên mạng.

2. Cách báo thuế dành cho hai người mới kết hôn, ly hôn hoặc ra ở riêng trong năm.

Phương thức tính thuế thu nhập khi hai người tồn tại mỗi quan hệ hôn nhân có 03 cách sau, thuế thu nhập của cả hai sẽ được cộng gộp lại rồi báo thuế chung, thuế từ tiền lương của mỗi người sẽ được tính riêng rồi báo thuế chung, tất cả thuế thu nhập được tính riêng sau đó gộp lại rồi báo thuế chung.

Cách tính thuế và các hạng mục miễn giảm khấu trừ thuế của các cơ quan đều không giống nhau, cần phải tính toán thử sau đó mới quyết định dùng phương thức nào. Đề nghị báo thuế qua mạng, hệ thống sẽ tự động dùng phương thức có lợi nhất tính ra tiền thuế cần nộp.

Phương thức báo thuế dành cho hai người có mối quan hệ hôn nhân:

- (1) Quan hệ hôn nhân thông thường : hai người nên báo thuế “chung”.
- (2) Kết hôn, ly hôn trong năm: có thể chọn cách báo thuế “chung” hoặc “riêng”.

(3)分居：符合下列情形之一，可「分開」申報。

- 不同居達6個月以上，改用分別財產制且經法院裁定者。
- 不繼續共同生活達6個月以上，未成年子女權利義務之行使經法院裁定者。
- 取得通常保護令者於通常保護令有效期間或取得通常保護令前已取得暫時或緊急保護令者。

3. 如對報稅流程不熟悉，可選擇臨櫃申報，現場服務人員將會提供協助；而選擇網路申報則可減少臨櫃等待時間，省時又便利。

(1)臨櫃申報：擁有婚姻關係兩人一方為新住民者，可自行選擇當外僑納稅義務人，向居留證所載地址之國稅局辦理申報；或以國人配偶為納稅義務人，向國人配偶戶籍所在地之國稅局辦理申報。

- 應攜帶文件：身分證或居留證與所得相關證明文件。（如護照、戶口名簿、扣繳憑單、因在中華民國境內提供勞務而取自境外所得之證明、扶養親屬等相關證明文件）
- 國稅局提供外語諮詢服務，由現場服務人員向外語服務單位通話，以三方通話方式提供協助（註13）。

(3) Sống riêng : phù hợp những điều kiện dưới đây, có thể báo thuế “riêng”.

- Không sống chung 06 tháng trở lên, đổi dùng Chế độ tài sản riêng được Tòa án quyết định.
- Không sống chung 06 sáng trở lên, quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chưa thành niên được Tòa án quyết định.
- Trong thời gian Lệnh bảo hộ còn hiệu lực hoặc nhận được Lệnh bảo hộ tạm thời hoặc Lệnh bảo hộ khẩn cấp.

3. Nếu không thành thạo quá trình báo thuế có thể đến quầy để làm thủ tục, nhân viên tại đây sẽ hỗ trợ bạn, nếu chọn cách báo thuế qua mạng sẽ tiết kiệm được thời gian chờ đợi tại quầy, rất tiện lợi.

(1) Báo thuế tại quầy : hai người có mối quan hệ hôn nhân mà một người là Cư dân mới thì có thể tự chọn với tư cách là người nước ngoài thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, đến địa chỉ Cục thuế ghi trên thẻ cư trú để trình báo thuế; hoặc dùng danh nghĩa là hôn phối nước ngoài thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, đến Cục thuế tại địa chỉ thường trú của hôn phối nước ngoài trình báo thuế.

- Giấy tờ cần mang theo : chứng minh thư hoặc thẻ cư trú và giấy tờ thuế liên quan. (Như hộ chiếu, sổ hộ khẩu, đơn trừ nộp thuế, giấy tờ chứng minh lao động tại Đài Loan nhưng nhận thuế từ nước ngoài, các loại giấy tờ liên quan đến nuôi dưỡng người thân v.v).
- Cục thuế Quốc gia đưa ra dịch vụ tư vấn ngôn ngữ nước ngoài, nhân viên tại quầy sẽ gọi điện cho đơn vị phục vụ ngôn ngữ tiếng nước ngoài, ba bên cùng nhau hội thoại cũng như hỗ trợ giải quyết (ghi chú 13).



- 各區國稅局聯絡方式如下：

機關名稱	臺北國稅局	
地址	臺北市萬華區中華路 1 段 2 號	電話 (02) 2311-3711
機關名稱	北區國稅局	
地址	桃園市桃園區三元街 156 號	電話 (03) 339-6789
機關名稱	中區國稅局	
地址	臺中市西區民生路 168 號	電話 (04) 2305-1111
機關名稱	南區國稅局	
地址	臺南市北區富北街 7 號 6-17 樓	電話 (06) 222-3111
機關名稱	高雄國稅局	
地址	高雄市苓雅區廣州一街 148 號	電話 (07) 725-6600

- (2) 網路申報：以自然人憑證、金融憑證、健保卡 + 密碼、戶號 + 身分證字號（或居留證統一證號 + 護照號碼 / 居留證號 / 許可證號）為通行碼等四種方式，另外需至財政部或各區國稅局下載綜所稅電子結算申報軟體或使用線上版報稅軟體完成申報。

- Điện thoại liên lạc Cục thuế Quốc gia của các khu

Tên cơ quan	Cục thuế Quốc gia Đài Bắc	
Địa chỉ	Số 2 đoạn 1 đường Trung Hoa khu Vạn Hoa thành phố Đài Bắc	Điện thoại (02) 2311-3711
Tên cơ quan	Cục thuế Quốc gia khu Bắc	
Địa chỉ	Số 156 phố Tam Nguyên khu Đào Viên thành phố Đào Viên	Điện thoại (03) 339-6789
Tên cơ quan	Cục thuế Quốc gia khu Trung	
Địa chỉ	Số 168 đường Dân Sinh khu Tây thành phố Đài Trung	Điện thoại (04) 2305-1111
Tên cơ quan	Cục thuế Quốc gia khu Nam	
Địa chỉ	Lầu 6-17 số 7 phố Phú Bắc khu Bắc thành phố Đài Nam	Điện thoại (06) 222-3111
Tên cơ quan	Cục thuế Quốc gia Cao Hùng	
Địa chỉ	Số 148 phố Quảng Châu Nhất khu Linh Nhã thành phố Cao Hùng	Điện thoại (07) 725-6600

- (2) Báo thuế qua mạng : có bốn cách dùng thẻ chứng nhận tư cách công dân, giấy chứng nhận tài chính, thẻ y tế + mật mã, số hộ khẩu + số chứng minh nhân dân (số thẻ cư trú + số hộ chiếu/ số thẻ cư trú/ số thẻ cho phép) làm số thông hành, ngoài ra cần tải phần mềm ứng dụng kết toán thuế điện tử Cục thuế quốc gia của các khu hoặc Bộ Tài chính, hoặc sử dụng phần mềm trình báo thuế trực tuyến trên mạng.





交通資訊

我國經濟發展迅速，國民所得日益提高，機動車數隨之大幅成長，道路交通在現有的各種交通系統中，已成為國人日常生活中最倚靠的一環；而且，隨著公路網路日臻完善，國人對於道路之使用將更有增無減。

國際駕照及換發駕照

有關國際駕照及換發駕照等相關資訊可至交通部公路總局網站查閱 (<https://www.thb.gov.tw/>)。



駕照資訊
Địa chỉ Website
QRcode



換領本國
駕照資訊
Đổi lãnh Giấy
phép lái xe

交通工具

臺灣目前有桃園國際機場、高雄國際航空站、臺中國際機場及臺北松山機場等四座國際機場，與全球主要國家都有班機往返，交通相當便捷。此外，國內航線亦十分發達，各主要城市間往返班機頻繁，搭乘飛機已與搭乘長途客運巴士一般普及。

陸運系統設有台灣高鐵、臺灣鐵路、臺北捷運、高雄捷運、桃園機場捷運、客運及公車、計程車、汽車租賃、機車、自行車、公共自行車等。臺灣的國際、國內海運非常方便，國內則設有澎湖線、馬祖線、蘭嶼線、綠島線、小琉球線。

Thông tin giao thông

Nền kinh tế nước ta phát triển nhanh chóng, mức thu nhập của người dân cũng tăng lên đáng kể, số lượng xe máy cũng tăng lên nhiều, giao thông đường bộ trong hệ thống các loại giao thông hiện hành, đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của người dân cả nước; cộng với sự hoàn thiện hệ thống mạng đường bộ, người dân sử dụng đường bộ sẽ ngày càng tăng hơn.

Giấy phép lái xe quốc tế và chuyển đổi giấy phép lái xe

Thông tin liên quan đến Giấy phép lái xe quốc tế và chuyển đổi giấy phép lái xe vui lòng truy cập Website Tổng Cục giao thông đường bộ để biết thêm chi tiết. (<https://www.thb.gov.tw/>)

Công cụ giao thông

Hiện tại Đài Loan có 04 sân bay quốc tế gồm Sân bay quốc tế Đào Viên, trạm hàng không quốc tế Cao Hùng, Sân bay quốc tế Đài Trung và Sân bay Tùng Sơn Đài Bắc, đều có các chuyến bay hai chiều với các quốc gia chính trên toàn cầu, giao thông hàng không quốc tế khá nhanh chóng và tiện lợi. Đường bay nội địa cũng rất phát triển, chuyến bay hai chiều giữa những thành phố lớn nhiều, đi máy bay cũng đã được phổ cập rộng rãi như đi bus đường dài.

Hệ thống đường bộ bao gồm tàu hỏa tốc độ nhanh Đài Loan, đường sắt Đài Loan, tàu điện ngầm Đài Bắc, tàu điện ngầm Cao Hùng, tàu điện ngầm sân bay Đào Viên, xe khách và xe bus, taxi, dịch vụ thuê mướn xe hơi, xe máy, xe đạp, xe đạp công cộng. Vận chuyển đường hàng hải quốc nội, quốc tế của Đài Loan cũng rất thuận tiện, trong nước có tuyến Bình Hồ, tuyến Mã Tổ, tuyến Lan Dư, tuyến Lục Đảo, tuyến Tiểu Lưu Cầu.





各地另有「臺灣好行」接駁公車，「臺灣好行（景點接駁）旅遊服務」是專為旅遊規劃所設計的公車服務，從臺灣各大景點附近的各大臺鐵、高鐵站接送旅客前往主要觀光景點，不想長途駕車、參加旅行團出遊的旅客，使用「臺灣好行（景點接駁）旅遊服務」是最適合自由行的好方式，也正響應了節能減碳、環保樂活的旅遊新風潮（註 14）。

交通標誌

在道路交通設施項目之中，交通標誌、標線及號誌是最基本，也是最重要的。交通標誌分為指示、禁制、輔助、警告（附表五）。

交通法令

新住民初到臺灣，要特別注意下列幾項交通安全的規定：

1. 汽車駕駛

- 在臺灣，汽車駕駛座係在車輛之左側，因此必須在道路之右側駕車行駛。
- 車輛「起駛」前應顯示方向燈，注意前後左右有無障礙或車輛行人，並應讓行進中之車輛行人優先通行。
- 轉彎及變換車道前，應先顯示欲轉彎（變換車道）方向之車輛前後左（右）邊方向燈，並應全程使用（顯示至完成轉彎及變換車道之行為）。
- 汽車載客或載貨時，不得超載。

Các địa phương còn có Bus du lịch (Taiwan Tourist Shuttle), dịch vụ “Taiwan Tourist Shuttle” là dịch vụ xe bus thiết kế dành cho du lịch, đưa đón khách từ các trạm tàu lửa cao tốc, trạm xe lửa đến các địa điểm du lịch nổi tiếng Đài Loan, khách du lịch nếu không muốn lái xe đường dài, hay đi tour theo đoàn thì dịch vụ Bus du lịch là một lựa chọn vừa phù hợp vừa tiện lợi, lại theo kịp trào lưu du lịch mới Vui chơi - Giảm thải Cacbon - Bảo vệ môi trường (ghi chú 14).

Biển báo giao thông

Trong những hạng mục giao thông đường bộ, thì biển báo giao thông, tuyến đường và hiệu lệnh là những cái cơ bản nhất, và cũng là quan trọng nhất. Biển báo giao thông được chia thành chỉ thị, nghiêm cấm, hỗ trợ, cảnh cáo (Phụ lục 5).

Luật lệ giao thông

Cư dân mới lần đầu đến Đài Loan cần chú ý những quy định về an toàn giao thông sau :

1. Điều khiển xe hơi

- Tại Đài Loan tay cầm lái bên trái do đó lái xe về bên phải.
- Mở đèn xi-nhan trước khi xe “lăn bánh”, hãy chú ý vật cản trở hoặc người đi bộ và đi xe ở trước và sau xe, đồng thời phải ưu tiên cho người đang đi bộ và đi xe.
- Trước khi rẽ và chuyển làn, đèn xi-nhan phía trước và phía sau bên trái (phải) phải mở theo hướng rẽ (chuyển làn), đồng thời phải mở suốt quá trình (để hoàn thành làn rẽ và làn đường).
- Khi xe chở khách hoặc chở hàng, không được quá tải.



- 駕駛人應遵守道路交通標誌、標線、號誌之指示，並服從交通指揮人員之指揮。
- 不得無照駕車。駕駛人應隨身攜帶我國政府認可之駕照。
- 汽車駕駛人、前座或小型車後座乘客均應繫妥安全帶，四歲以下兒童應乘坐於安全椅。
- 駕車時勿超速行駛，雨中或濃霧時，應減速慢行。
- 駕車時應與前車保持隨時可以煞停的距離。
- 山區道路請減速慢行，下長陡坡時應使用低速檔行駛。
- 不得擅自改裝車輛，以及在道路上有蛇形、競駛、競技等危險行為。
- 不得酒後駕車。
- 駕車時禁止使用手持式行動電話、電腦或其他相類似功能裝置進行撥接、通話、數據通訊或其他有礙駕駛安全之行為。
- 車輛不可以在鐵路路線、橋樑、隧道內及站區內非供車輛通行之處所通行。
- 不可在鐵路軌道或有關設備上堆積、放置或拋擲物品，妨害行車安全。
- 紅燈不能右轉，除非號誌、標誌另有指示。

- Người tham gia giao thông nên tuân thủ tín hiệu đèn giao thông, đi đúng tuyến đường đồng thời đi theo sự chỉ dẫn của nhân viên chỉ huy giao thông.
- Không lái xe khi không có Giấy phép lái xe. Người tham gia giao thông nên đem Giấy phép lái xe khi tham gia giao thông trên đường.
- Người cầm lái, người ngồi ghế phụ phía trước hoặc khách ngồi ghế phía sau của xe loại nhỏ đều phải thắt dây an toàn, trẻ em dưới 04 tuổi phải sử dụng ghế an toàn.
- Không vượt quá tốc độ cho phép, trời mưa hoặc mây mù cần giảm tốc độ.
- Cần giữ khoảng cách an toàn giữa các xe.
- Đường dốc núi nên giảm tốc độ, chạy chậm.
- Không được tự ý thay sửa đổi thiết kế xe (độ xe), cũng như các hành vi nguy hiểm như đua xe, lạng lách, đánh võng.
- Không lái xe khi đã uống rượu bia.
- Khi tham gia giao thông nghiêm cấm sử dụng điện thoại, máy tính hoặc những thiết bị hỗ trợ liên lạc nghe gọi gây ảnh hưởng đến an toàn.
- Không được lái xe trên đường ray tàu lửa, thân cầu hầm đường bộ hay những khu vực không cho phép khác.
- Không để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở an toàn giao thông.
- Đèn đỏ không được rẽ phải, trừ khi có sự chỉ dẫn khác.



圖片提供／交通安全入口網 Hình ảnh được cung cấp bởi Cổng an toàn giao thông

騎機車需戴安全帽

Đội nón bảo hiểm khi đi xe máy



• 【安全開關車門五步驟】

步驟 1：看後照鏡

步驟 2：轉身向後看

步驟 3：確認安全無人車

步驟 4：反手開車門至適當縫隙

步驟 5：確認安全後儘速下車並關車門

2. 機車駕駛

- 需依標誌、標線指示兩段式左轉。
- 紅燈不能右轉，除非號誌、標誌另有指示。
- 駕駛人應遵守道路交通標誌、標線、號誌之指示，並服從交通指揮人員之指揮。
- 不得無照駕車。駕駛人應隨身攜帶我國政府認可之駕照。
- 機車、電動機車的騎士及後座乘客，均應配戴安全帽，違法者均須受罰。
- 騎車時勿超速行駛，雨中或濃霧時，應減速慢行。
- 騎車時應與前車保持隨時可以煞停的距離。
- 山區道路請減速慢行。
- 不得擅自改裝車輛，以及在道路上有蛇形、競駛、競技等危險行為。
- 不得酒後騎車。
- 騎車時禁止使用手持式行動電話、電腦或其他相類似功能裝置進行撥接、通話、數據通訊或其他有礙駕駛安全之行為。

• 【Năm bước mở đóng cửa xe an toàn】

Bước 1 : Nhìn kính chiếu hậu .

Bước 2 : Quay lại nhìn sang phía sau .

Bước 3 : Xác nhận không người và xe đã an toàn .

Bước 4 : Tay trái mở cửa xe đến khoảng cách thích hợp .

Bước 5 : Sau khi xác nhận an toàn nhanh chóng xuống xe và đóng cửa lại .

2. Điều khiển xe máy

- Xe máy đi theo biển báo chỉ dẫn, rẽ trái hai lần.
- Đèn đỏ không được rẽ phải, trừ khi có sự chỉ dẫn khác.
- Người tham gia giao thông nên tuân thủ tín hiệu đèn giao thông, đi đúng tuyến đường đồng thời đi theo sự chỉ dẫn của nhân viên chỉ huy giao thông.
- Không lái xe khi không có Giấy phép lái xe. Người tham gia giao thông nên đem Giấy phép lái xe khi tham gia giao thông trên đường.
- Người điều khiển giao thông và người ngồi sau xe máy, xe đạp điện đều phải mang nón bảo hiểm, nếu không sẽ bị phạt.
- Không vượt quá tốc độ cho phép, trời mưa hoặc mây mù cần giảm tốc độ.
- Đảm bảo khoảng cách an toàn giữa các xe khi thẳng xe.
- Đường dốc núi nên giảm tốc độ, chạy chậm.
- Không được tự ý thay sửa đổi thiết kế xe, cũng như các hành vi nguy hiểm như đua xe, lạng lách, đánh võng.
- Không lái xe khi đã uống rượu bia.
- Khi tham gia giao thông nghiêm cấm sử dụng điện thoại, máy tính hoặc những thiết bị hỗ trợ liên lạc nghe gọi gây ảnh hưởng đến an toàn.

- 車輛不可在鐵路路線、橋樑、隧道內及站區內非供車輛通行之處所通行。
- 不可在鐵路軌道或有關設備上堆積、放置或拋擲物品，妨害行車安全。
- 車輛「騎乘」前應顯示方向燈，注意前後左右有無障礙或車輛行人，並應讓行進中之車輛行人優先通行。
- 轉彎及變換車道前，應先顯示欲轉彎（變換車道）方向之車輛前後左（右）邊方向燈，並應全程使用（顯示至完成轉彎及變換車道之行為）。
- 機車載客或載貨時，不得超載。

3. 行人

- 行人應遵守道路交通標誌、標線、號誌之指示，並服從交通指揮人員之指揮。
- 由於車輛係在道路右側行駛，因此行人穿越馬路前，應仔細看有無來車，再行穿越。
- 行人過馬路須走斑馬線、天橋或地下道。
- 行人走路要靠右。
- 行人不可在鐵路路線、橋樑、隧道內及站區內非供行人通行之處所通行。
- 不可在鐵路軌道或有關設備上堆積、放置或拋擲物品，妨害行車安全。



行人過馬路需走斑馬線
Người đi bộ khi qua đường nên đi trên vạch kẻ đường

- Không được lái xe trên đường ray tàu lửa, thân cầu, hầm đường bộ hay những khu vực không cho phép khác.
- Không để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở an toàn giao thông.
- Mở đèn xi-nhan trước khi 「đi xé máy」, hãy chú ý vật cản trở hoặc người đi bộ và đi xe ở trước và sau xe, đồng thời phải ưu tiên cho người đang đi bộ và đi xe.
- Trước khi rẽ và chuyển làn, đèn xi-nhan phía trước và phía sau bên trái (phải) phải mở theo hướng rẽ (chuyển làn), đồng thời phải mở suốt quá trình (để hoàn thành làn rẽ và làn đường).
- Khi xe chở khách hoặc chở hàng, không được quá tải.

3. Người đi bộ

- Người đi bộ nên tuân thủ tín hiệu đèn giao thông, đi đúng tuyến đường đồng thời đi theo sự chỉ dẫn của nhân viên chỉ huy giao thông.
- Các loại xe đều di chuyển về phía bên phải, người đi bộ khi đi qua đường phải quan sát các xe đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn.
- Người đi bộ khi qua đường nên đi trên vạch kẻ đường, cầu vượt hoặc hầm dành cho người đi bộ.
- Người đi bộ đi về phía tay phải.
- Người đi bộ không được đi trên đường ray xe lửa, hoặc những khu vực không cho phép khác.
- Không để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở an toàn giao thông.